

Kiên định
MỤC TIÊU
VỮNG BƯỚC *Hành trình*

Năng lượng luôn chuyển động
Energy on the move

TẦM NHÌN

Cùng Năng lượng đến mọi nơi.

SỨ MỆNH

Nhóm Công ty hoạt động vững mạnh
trong lĩnh vực năng lượng.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 08 Thông tin chung, ngành nghề kinh doanh
- 10 Thông tin cổ phần và cổ đông
- 12 Các con số và sự kiện nổi bật năm 2017
- 14 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 15 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 16 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 17 Sơ đồ tổ chức

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 20 Báo cáo Ban Tổng Giám đốc
- 24 Báo cáo Ban Kiểm soát
- 26 Chính sách nguồn nhân lực
- 30 Định hướng Công ty trong năm 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 34 Thông tin doanh nghiệp
- 36 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 38 Bảng cân đối kế toán
- 40 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 41 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 42 Thuyết minh báo cáo tài chính

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06
Thông tin chung, ngành nghề kinh doanh	09
Thông tin cổ đông và cổ phần	10
Các con số và sự kiện nổi bật năm 2017	12
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	14
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	15
Giới thiệu Ban Kiểm soát	16
Sơ đồ tổ chức	17





TỔNG DOANH THU

814,18
TỶ VNĐ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Đối tác, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên, thuyền viên Công ty Cổ phần Âu Lạc.

Lời đầu tiên, tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị cảm ơn sự đóng góp quý báu của khách hàng, đối tác, sự nỗ lực đầy tâm huyết của tất cả cán bộ, nhân viên và thuyền viên của Công ty Cổ phần Âu Lạc đã sát cánh cùng nhau, vững vàng leo lên “con tàu lớn, mái nhà chung Âu Lạc của chúng ta” vượt qua nhiều khó khăn và thử thách trong suốt một năm qua. Dù trong bối cảnh thị trường vận tải biển thế giới và khu vực đầy ảm đạm, kéo theo việc hàng loạt các doanh nghiệp vận tải biển bị thua lỗ, phá sản hoặc phải sát nhập, tái cấu trúc để duy trì hoạt động, Công ty Cổ phần Âu Lạc vẫn duy trì sự tăng trưởng ổn định và đạt được hiệu quả kinh doanh tích cực với mức lợi nhuận sau thuế đạt 114,3 tỷ đồng, tăng trưởng 142,9% so với kế hoạch Đại Hội đồng Cổ đông đề ra. Điều này minh chứng cho thành quả đạt được từ những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, nhân viên, thuyền viên của Công ty Cổ phần Âu Lạc và những chủ trương, quyết sách và định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017. Bên cạnh đó, thành quả tích cực trong năm vừa qua sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu sự đoàn kết, đồng lòng tin tưởng và ủng hộ của tất cả Quý cổ đông của Công ty. Vì vậy có thể nói đây chính là thành quả rất đáng biểu dương và tự hào của tất cả chúng ta.

Để có thể giữ vững thương hiệu, uy tín mà Công ty đã gây dựng trong nhiều năm, tiếp tục nâng cao vị thế và phát triển Công ty lên một tầm cao mới theo chuẩn hiện đại hóa, quốc tế hóa cũng như cải thiện hơn nữa chất lượng dịch vụ để khách hàng trong và ngoài nước thêm tin cậy và hợp tác lâu dài, trong năm 2018, Công ty Cổ phần Âu Lạc sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng là “một trong các công ty hoạt động vững mạnh trong lĩnh vực năng lượng” nói chung và là “một trong những công ty tư nhân hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển” nói riêng với 5 giá trị cốt lõi là kim chỉ nam trong việc quản lý, điều hành và kinh doanh Công ty, bao gồm: Quyết liệt, Chuyên nghiệp, An Toàn, Chính xác và Hiệu quả.

Mục tiêu trong năm 2018, toàn thể cán bộ, nhân viên, thuyền viên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

của Công ty sẽ nỗ lực cố gắng để giữ vững thành quả kinh doanh bằng việc thực hiện những chính sách, kế hoạch mang tính cốt lõi và trọng yếu, bao gồm:

Tiếp tục đầu tư, trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội tàu: nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế. Ngoài việc tiến hành xem xét, đánh giá kỹ lưỡng tình trạng và hiệu quả của từng con tàu, Công ty còn chú trọng giải pháp chuyển đổi các tàu đóng tại Trung Quốc sang các tàu đóng tại Hàn Quốc.

Tập trung phát triển, đào tạo nguồn nhân lực vững mạnh: Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng đội ngũ thuyền viên, nhân viên của Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa là một trong năm giá trị cốt lõi của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho Trung tâm huấn luyện nhằm cung cấp nhân lực thuyền viên có chất lượng cho các công ty vận tải biển.

Đẩy mạnh phát triển kinh doanh và đầu tư nhằm tối ưu hóa hiệu quả tài chính với các chiến lược đầu tư trung và dài hạn: Ngoài việc đảm bảo sự phát triển an toàn, bền vững cho hoạt động cốt lõi, Công ty luôn tìm kiếm cơ hội kinh doanh và thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư trung và dài hạn với mục tiêu phát triển bền vững, tăng cường hiệu quả, lợi nhuận kinh doanh.

Hội Đồng Quản Trị chúng tôi có niềm tin rằng với nguồn nhân lực chuyên nghiệp, mẫn cán và tâm huyết cùng hệ thống quản lý, điều hành hiệu quả, Công ty Cổ phần Âu Lạc đang và sẽ tiếp tục thực hiện tốt sứ mệnh của mình là “**Cùng Năng lượng đến mọi nơi**”, trong năm 2018 sẽ hiện thực hóa được chiến lược phát triển, giữ vững thương hiệu và nâng cao vị thế của mình ngang tầm khu vực và quốc tế.

Một lần nữa, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ đồng hành, hỗ trợ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác trong và ngoài nước cùng sự đóng góp nhiệt tình của toàn thể cán bộ, nhân viên và thuyền viên của Công ty Cổ phần Âu Lạc.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và Công ty Cổ phần Âu Lạc mạnh khỏe và mọi điều tốt lành.

Trân trọng.

NGÔ THU THÚY
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC
Tên tiếng Anh	: AULAC CORPORATION
Giấy ĐKKD	: 0302704796 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 04/09/2002
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 526.779.820.000 đồng
Trụ sở	: 159 Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: (84 - 28) 6258 9922
Fax	: (84 - 28) 6258 9933
Văn phòng đại diện	: Số 50 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Tp. Hải Phòng, Việt Nam
Website	: www.aulac.com.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Vận tải
nhiên liệu
ven biển và
viễn dương.

Kinh doanh
vận tải
nhiên liệu
đường thủy
nội địa.

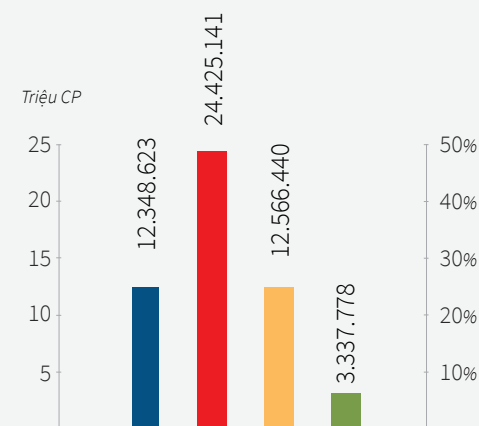
Dịch vụ
hàng hải –
Kinh doanh
vận tải biển.

VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY
526.779.820
 NGÀN VNĐ

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

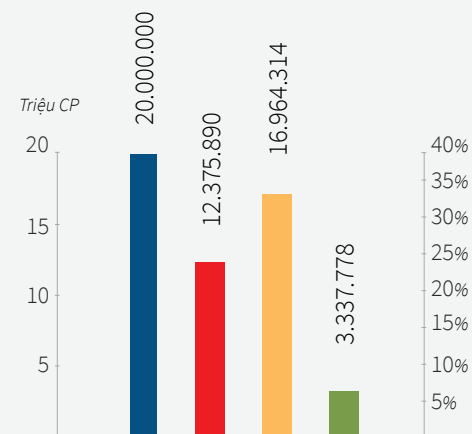
Tính đến ngày 31/12/2017, thông tin về vốn của Công ty như sau:

» Vốn điều lệ của Công ty	:	526.779.820.000 đồng
» Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	526.779.820.000 đồng
» Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	49.340.204 cổ phiếu
» Cổ phiếu quỹ	:	3.337.778 cổ phiếu
» Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (cổ phiếu)

- Cá nhân - trong nước
- Tổ chức - trong nước
- Cá nhân, Tổ chức - nước ngoài
- Cổ phiếu quỹ



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN (cổ phiếu)

- Công Ty Cp Đầu Tư Phát Triển Đức Hiếu
- Education Management Holdings Limited
- Các cổ đông khác
- Cổ phiếu quỹ



CÁC CON SỐ VÀ SỰ KIẾN NỔI BẬT NĂM 2017

VỐN ĐIỀU LỆ
526.779.820
NGÀN VNĐ

DOANH THU
814,18
TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN
114,33
TỶ VNĐ



LỄ KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN ẬU LẠC



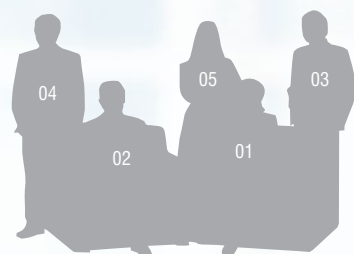
LỄ KÝ KẾT HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI CÔNG TY TNHH LỘC DẦU CÁT LÁI



HỘI NGHỊ AN TOÀN THEO QUY ĐỊNH CỦA SHELL DO ẬU LẠC TỔ CHỨC

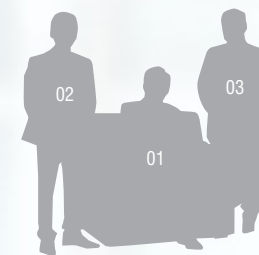


GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



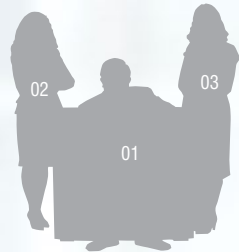
- | | |
|-------------------------------|---------------------|
| 1 Bà NGÔ THU THÚY | : Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông NGUYỄN ĐỨC HÌNH | : Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3 Ông MAI VĂN TÙNG | : Thành viên HĐQT |
| 4 Ông ĐẶNG VINH SANG | : Thành viên HĐQT |
| 5 Bà TRẦN NGỌC ANH ĐÀO | : Thành viên HĐQT |

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

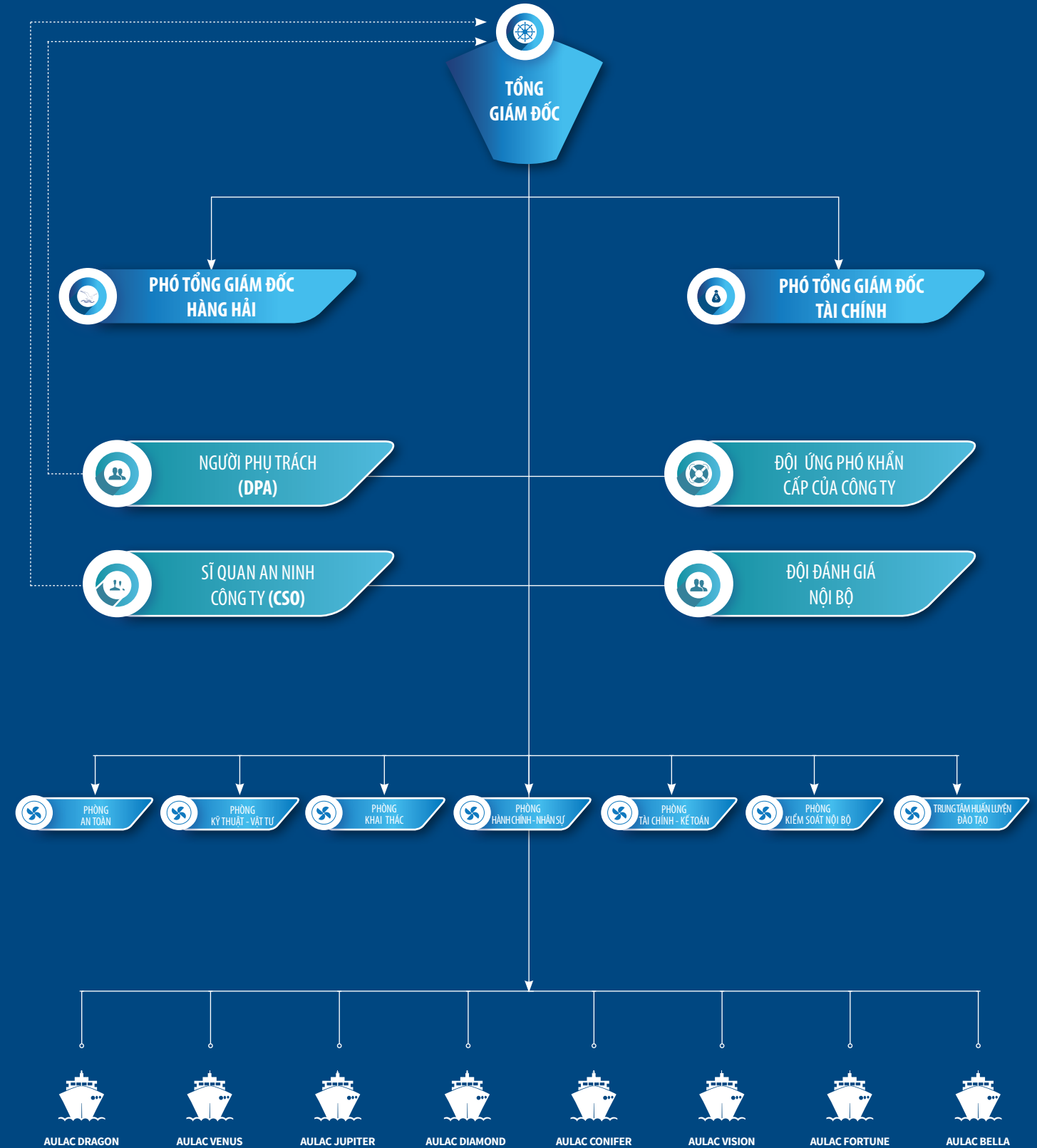


- | | |
|---------------------------|---------------------|
| 1 Ông MAI VĂN TÙNG | : Tổng Giám đốc |
| 2 Ông HỒ VĂN THIỆN | : Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông LÊ HỒNG SƠN | : Phó Tổng Giám đốc |

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



- 1 Ông **HUỖNH ĐỨC TRƯỜNG** : Trưởng Ban Kiểm soát
- 2 Bà **NGUYỄN ĐÌNH THỦY TIÊN** : Thành viên
- 3 Bà **ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN** : Thành viên



2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo của Ban Kiểm soát
Chính sách nguồn nhân lực
Định hướng kinh doanh

20
24
26
30



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI TRONG NĂM 2017

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
NĂM 2017



143,4

TỶ VNĐ

TĂNG TRƯỞNG 6%
SO VỚI CÙNG KỲ 2016

Năm 2017 là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với ngành vận tải biển nói chung và Công ty Cổ phần Âu Lạc nói riêng, đối mặt với nhiều thách thức trong năm, toàn thể Ban Lãnh đạo cùng nhân viên, thuyền viên Công ty cùng vững bước, đồng lòng vượt qua khó khăn để đạt được kết quả khả quan như sau:

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU, LỢI NHUẬN

Tiếp tục thực hiện chủ trương trẻ hóa đội tàu, từng bước cơ cấu các tàu Trung Quốc bằng các tàu Hàn Quốc, Nhật Bản chất lượng cao, trong năm 2017 Công ty đã chuyển nhượng thành công tàu Aulac Angel sau 11 năm khai thác hiệu quả, đạt 67,3 tỷ lợi nhuận trước thuế. Đồng thời việc khai thác hiệu quả 2 tàu mới Aulac Fortune và Aulac Bella mới đầu tư năm 2016 giúp doanh thu toàn Công ty tăng trưởng 10% so với cùng kỳ 2016, đạt 814,2 tỷ VNĐ trong năm 2017. Lợi nhuận trước thuế Công ty tăng trưởng 6% so với cùng kỳ 2016, đạt 143,4 tỷ VNĐ, tương đương 143% kế hoạch ĐHCĐ giao. Trong bối cảnh tình hình thị trường khó khăn, kết quả này thể hiện sự nỗ lực, trách nhiệm, chủ động trong các đề xuất kinh doanh của toàn Công ty, thể hiện định hướng đúng đắn, chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT cùng sự ủng hộ hết mình của toàn thể các cổ đông.

Với những kết quả đạt được như trên, Công ty Cổ phần Âu Lạc đã và đang được đánh giá là một trong những công ty vận tải biển hàng đầu Việt Nam với chất lượng dịch vụ cao, đội ngũ thuyền viên chuyên nghiệp, là một đối tác chiến lược, đáng tin cậy và là lựa chọn hàng đầu của các khách hàng trong nước cũng như quốc tế, thành công đó được thể hiện bằng các hợp đồng COA hợp tác lâu dài đã ký trong năm 2017.

PHÁT TRIỂN, MỞ RỘNG TRUNG TÂM ĐÀO TẠO

Trong năm 2017, Trung tâm đào tạo của Công ty đã tổ chức 34 khóa đào tạo do bên thứ ba thực hiện, 48 khóa học, huấn luyện, cấp chứng chỉ nội bộ cho tổng cộng 543 lượt thuyền viên, trong đó có 348 sỹ quan. Các lớp huấn luyện đào tạo của Công ty luôn đảm bảo cho thuyền viên Âu Lạc những kiến thức cập nhật kịp thời với các yêu cầu của Công ước Quốc tế, đồng thời trang bị kỹ năng tốt nhất cho các thuyền viên trong việc vận hành, xử lý tình huống để đảm bảo an toàn cho toàn đội tàu Công ty.



Ông Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

BÊN CẠNH NHỮNG THUẬN LỢI

& VẪN CÒN NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA NGÀNH THÁCH THỨC MỚI TRONG NĂM 2018

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG KHÓ KHĂN VÀ GIÁ NHIÊN LIỆU TĂNG CAO

Một số hiệp định thương mại hiện nay gây khó khăn không nhỏ cho các công ty vận tải biển Việt Nam do chênh lệch ưu đãi thuế khiến các đơn vị nhập khẩu xăng dầu mua hàng tập trung và sử dụng dịch vụ của đội tàu nước ngoài có trọng tải lớn để xếp nhiều lô hàng thay vì sử dụng đội tàu của các công ty vận tải biển Việt Nam. Điều này gây ảnh hưởng rất lớn đến thị trường trong nước của đội tàu Công ty, gián tiếp góp phần tăng chi phí do tàu phải thường xuyên chạy và sửa chữa, bảo dưỡng ở nước ngoài.

Đồng thời, giá dầu đã tăng trong năm 2017 và chưa có dấu hiệu dừng trong đầu năm 2018 đồng nghĩa với việc giá nhiên liệu đầu vào tăng cao, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2018. Ngoài ra, các ngân hàng đang có động thái tăng lãi suất cho vay trong đầu năm 2018 cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty do hiện tại một nửa đội tàu Âu Lạc được đầu tư bằng nguồn vốn vay trung dài hạn.



SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ

Trong năm 2018, toàn bộ đội tàu Công ty có 5 tàu phải lên đà sửa chữa định kỳ, đặc biệt, tàu Aulac Dragon sửa chữa định kỳ lần thứ 3 với chương trình kiểm tra nâng cao làm tăng chi phí phân bổ của Công ty và giảm thời gian khai thác của đội tàu.

Với những khó khăn kể trên, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao, chiến lược phát triển đúng đắn của Hội đồng Quản trị và sự điều hành hiệu quả, nhạy bén trong kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự tận tụy, nhiệt tình, trách nhiệm của toàn bộ cán bộ nhân viên, thuyền viên, Công ty Cổ phần Âu Lạc kiên quyết vượt qua các khó khăn và tiếp tục thành công trong năm 2018





THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT THEO LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC, BAN KIỂM SOÁT CHÚNG TÔI XIN BÁO CÁO CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 NHƯ SAU:

CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM SOÁT NĂM 2017

Trong năm qua, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động đúng quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Âu Lạc. Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tiến hành kiểm tra và kiểm soát các vấn đề quan trọng, cụ thể:

- 01** KIỂM TRA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2017.
- 02** GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC THÔNG QUA CÁC BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT, ĐỒNG THỜI THAM DỰ MỘT SỐ CUỘC HỌP CỦA HĐQT.
- 03** THỰC HIỆN KIỂM TRA 6 THÁNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN 2017 CỦA CÔNG TY.
- 04** THỰC HIỆN KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2017 CỦA CÔNG TY.

Ý KIẾN VÀ NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- » Công ty Cổ phần Âu Lạc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên và thường niên 2017.
- » Hội đồng Quản trị đã có những chỉ đạo, điều hành tích cực và quyết liệt để cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- » Hoạt động của HĐQT, các chủ trương, nghị quyết HĐQT thực hiện đúng với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.
- » Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều cố gắng để hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần đem lại lợi ích cho cổ đông. Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực trên.
- » Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2018, Ban Kiểm Soát sẽ duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ theo đúng điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của ban kiểm soát, cụ thể:

- » Tham dự các cuộc họp với HĐQT theo định kỳ.



- » Kiểm tra và giám sát các hoạt động khác khi có yêu cầu của HĐQT hoặc các cổ đông đủ tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Công ty.
- » Xem xét, kiểm tra báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2018 và báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thay mặt Ban Kiểm soát

HUỲNH ĐỨC TRƯỜNG
Trưởng Ban Kiểm soát



**TỔNG SỐ NHÂN VIÊN,
THUYỀN VIÊN**
347
NGƯỜI
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2017

NGUỒN NHÂN LỰC LÀ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT CỦA ÂU LẠC. CÔNG TY LUÔN QUAN TÂM XÂY DỰNG, ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THUYỀN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP ĐỂ ĐƯA ÂU LẠC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.



BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG THUYỀN VIÊN VÀ CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN ĐÀO TẠO

Đẩy mạnh quá trình đào tạo, nâng cao chất lượng nhân viên thuyền viên Công ty Cổ phần Âu Lạc.

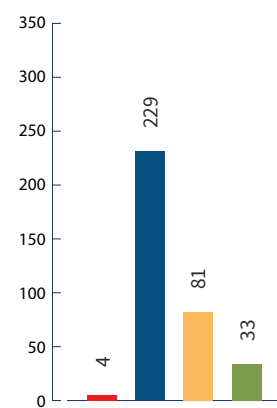
Trong năm 2017, Công ty tiếp tục nâng cao và hoàn thiện tính chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng dịch vụ, đào tạo nhân viên, thuyền viên đạt tiêu chuẩn Âu Lạc thông qua các lớp huấn luyện đào tạo được tổ chức tại Công ty như sau:

- » Huấn luyện, đào tạo nâng chức danh cho 19 sỹ quan, thuyền viên
- » Tiến hành đào tạo huấn luyện các chương trình quan trọng cho nhiều sỹ quan, thuyền viên trên tàu như: 11 lượt huấn luyện hải đồ điện tử cho 22 thuyền viên, Việt hóa hướng dẫn huấn luyện theo nội dung của Shell và phát hành sách cho toàn bộ thuyền viên nghiên cứu, huấn luyện làm quen cho 34 sỹ quan, thuyền viên mới theo tiêu chí Âu Lạc.
- » Tổ chức 12 lớp huấn luyện Videotel cho 40 sỹ quan, thuyền viên dự trữ và thuyền viên mới tuyển dụng.
- » Tổ chức hai lớp đào tạo Điều tra tai nạn và Nhận diện rủi ro cho 94 Sỹ quan.
- » Huấn luyện diễn tập ứng phó sự cố trên 02 tàu Aulac Fortune và Aulac Conifer.
- » Tổ chức 3 lớp huấn luyện làm quen “Hệ thống bơm Framo” cho 52 thuyền viên dự trữ và thuyền viên mới tuyển dụng.
- » Và nhiều lớp huấn luyện khác cho thuyền viên, nhân viên văn phòng.

**TỔNG SỐ
THUYỀN VIÊN**



289



TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:

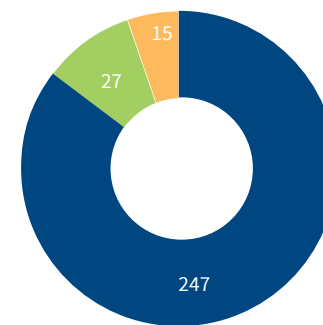
Sau đại học	: 4
Đại học và cao đẳng	: 229
Trung cấp	: 81
Sơ cấp	: 33



**KHÓA
ĐÀO TẠO**



33



CHẤT LƯỢNG THUYỀN VIÊN:

Tốt và Khá	: 247
Đạt yêu cầu	: 27
Có khiếm khuyết	: 15



TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI CÁC TÀU ĐÓNG Ở TRUNG QUỐC BẰNG CÁC TÀU ĐÓNG Ở HÀN QUỐC, NHẬT BẢN TRONG NĂM 2018.



TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ THUYỀN VIÊN ĐẠT CHUẨN ÂU LẠC, SÁNH NGANG VỚI CÁC THUYỀN VIÊN QUỐC TẾ.



ĐÓN ĐẦU HỘI NHẬP, HỢP TÁC QUỐC TẾ.



ĐỊNH HƯỚNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018

■ **Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống Quản lý An toàn** của Công ty theo tiêu chuẩn TMSA 3, đáp ứng các tiêu chuẩn và tuân thủ các Công ước Quốc tế về hàng hải, các nghị định, quy định mới được ban hành nhằm đảm bảo việc vận hành an toàn và hiệu quả đội tàu Công ty.

■ **Tiếp tục tuyển dụng thuyền viên**, đẩy mạnh công tác huấn luyện thuyền viên, tổ chức các lớp huấn luyện, cấp chứng chỉ, thực hành thông qua thiết bị mô phỏng và tập huấn để thuyền viên nắm bắt nhanh kiến thức đủ điều kiện để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

■ **Chuyển đổi các tàu đóng tại Trung Quốc** bằng các tàu chất lượng tốt đóng tại Hàn Quốc hoặc Nhật Bản với giá hợp lý, giảm thiểu rủi ro trong khai thác và đáp ứng xu thế phát triển của Công ty trung và dài hạn.

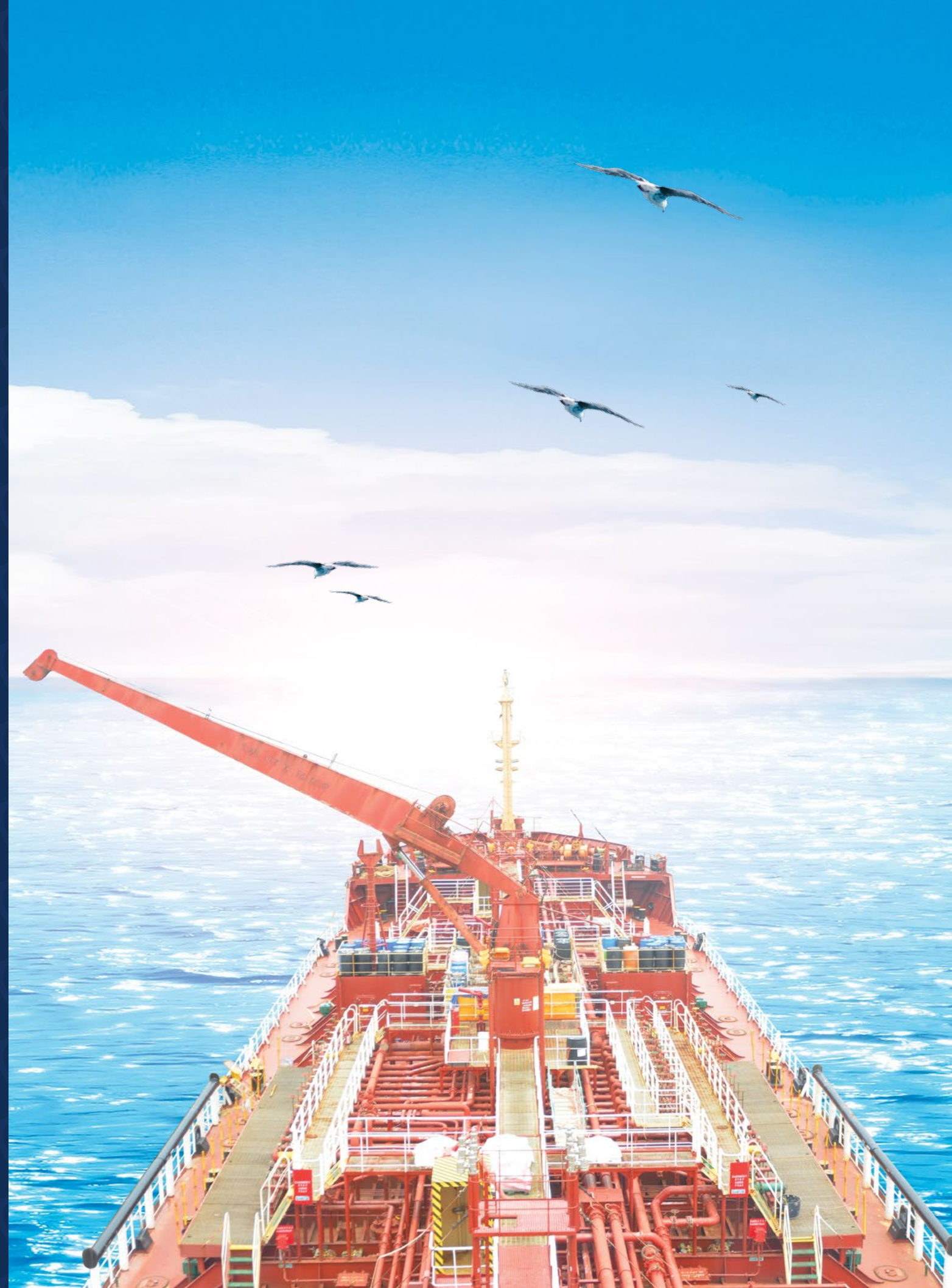
■ **Tìm kiếm các cơ hội mua bán và sáp nhập**, mở rộng lĩnh vực kinh doanh của Công ty xoay quanh lĩnh vực năng lượng.

■ **Tổ chức các sự kiện về an toàn cùng với các đơn vị khai thác dầu lớn trên thế giới**, phổ biến các hội thảo, hội nghị về ngành hàng hải, cập nhật các quy định của Công ước Quốc tế, đồng thời quảng bá hình ảnh Công ty Cổ phần Âu Lạc cho khách hàng, đối tác trong nước và Quốc tế.

■ **Hợp tác và chăm sóc thường xuyên với các khách hàng truyền thống của Công ty**, tăng cường tìm kiếm khách hàng tiềm năng để ký hợp đồng hợp tác dài hạn.

3 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin doanh nghiệp	34
Báo cáo kiểm toán độc lập	36
Bảng cân đối kế toán	38
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	40
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	41
Thuyết minh báo cáo tài chính	42



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký	Số 0302704796 đăng ký lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 19 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Ngô Thu Thúy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Hình	Phó Chủ tịch
	Ông Đặng Vinh Sang	Thành viên
	Ông Mai Văn Tùng	Thành viên
	Bà Trần Ngọc Anh Đào	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Đình Thủy Tiên	Thành viên
	Bà Đặng Thị Hồng Loan	Thành viên
	Ông Phan Vĩnh Kha	Thành viên (Từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Bà Ngô Thu Thúy	Chủ tịch
	Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Số 159, Đường Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- » thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- » lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 38 đến trang 62. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

MAI VĂN TÙNG

Người đại diện theo pháp luật kiêm
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC



Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017, và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 23 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 38 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam).



MAI VIỆT HÙNG TRẦN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0048-2018-006-1

Chữ ký được uỷ quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6739

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

LẠI HÙNG PHƯƠNG

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2432-2013-006-1

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN

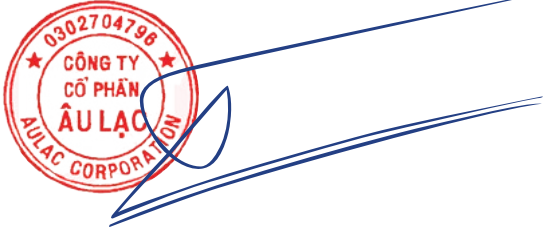
		VND	
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	
		2017	2016
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	432.552.875.001	579.575.449.593
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	78.946.284.806
111	Tiền	14.346.284.806	27.401.957.563
112	Các khoản tương đương tiền	64.600.000.000	3.300.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	113.700.000.000	150.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	113.700.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	156.385.362.324	244.761.802.478
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.776.501.159
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.711.743.981
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	110.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	9.045.830.795
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.148.713.611)	(1.148.713.611)
140	Hàng tồn kho	9	62.228.556.132
141	Hàng tồn kho	62.228.556.132	70.751.551.870
150	Tài sản ngắn hạn khác	21.292.671.739	83.360.137.682
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	12(a)	3.890.473.375
152	Thuế GTGT được khấu trừ	14(b)	17.402.198.364
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.331.360.163.309	1.542.628.668.725
210	Các khoản phải thu dài hạn	4.601.000.000	4.610.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	4.601.000.000	4.610.000.000
220	Tài sản cố định	1.280.686.709.961	1.481.118.363.307
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.280.686.709.961
222	Nguyên giá	2.075.187.881.264	2.268.030.822.158
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(794.501.171.303)	(786.912.458.851)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	-
228	Nguyên giá	65.500.000	65.500.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(65.500.000)	(65.500.000)
240	Tài sản dở dang dài hạn	1.171.234.000	70.400.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.171.234.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	4.916.534.680
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.874.000.000	9.874.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(4.957.465.320)	(4.902.113.772)
260	Tài sản dài hạn khác	39.984.684.668	51.858.019.190
261	Chi phí trả trước dài hạn	12(b)	39.984.684.668
270	TỔNG TÀI SẢN	1.763.913.038.310	2.122.204.118.318

Các thuyết minh từ trang 42 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

		VND	
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	
		2017	2016
300	NỢ PHẢI TRẢ	726.358.793.308	1.331.609.502.547
310	Nợ ngắn hạn	204.804.055.312	673.936.498.906
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	35.811.793.391
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.915.116.168	5.143.128.105
314	Phải trả người lao động	14(a)	3.032.277.601
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.931.902.429	1.797.948.334
319	Phải trả ngắn hạn khác	9.204.143.522	11.983.043.378
320	Vay ngắn hạn	15	127.500.717.811
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16(a)	17.408.104.390
330	Nợ dài hạn	17	521.554.737.996
338	Vay dài hạn	521.554.737.996	657.673.003.641
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.037.554.245.002	790.594.615.771
410	Vốn chủ sở hữu	1.037.554.245.002	790.594.615.771
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	526.779.820.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	526.779.820.000	326.779.820.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	254.725.820.000
415	Cổ phiếu quỹ	19	(39.746.201.600)
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	73.301.707.977
421	Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	19	222.493.098.625
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	127.646.285.656	83.536.018.012
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	94.846.812.969	89.819.574.644
440	TỔNG NGUỒN VỐN	1.763.913.038.310	2.122.204.118.318


LÊ HẢI ANH
Người lập biểu


HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng


MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 42 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 02 – DN

			VND	
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2017	2016
10	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	23	814.185.433.722	742.577.130.848
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	24	(674.621.562.472)	(543.320.251.453)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		139.563.871.250	199.256.879.395
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25	20.589.633.875	14.212.515.777
22	Chi phí tài chính	26	(34.875.497.978)	(44.737.749.610)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(33.875.120.097)	(31.490.305.374)
25	Chi phí bán hàng	27	(14.560.054.788)	(13.379.597.327)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(38.107.315.046)	(38.956.779.392)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		72.610.637.313	116.395.268.843
31	Thu nhập khác		82.632.119.893	19.657.808.020
32	Chi phí khác		(11.841.939.935)	(287.454.733)
40	Lợi nhuận khác	29	70.790.179.958	19.370.353.287
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		143.400.817.271	135.765.622.130
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(29.063.390.248)	(27.342.593.136)
52	Thuế TNDN hoãn lại	30	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		114.337.427.023	108.423.028.994
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	2.370	3.329
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	2.370	2.005



LÊ HẢI ANH
Người lập biểu



HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng



MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 42 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 03 – DN

			VND	
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2017	2016
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		143.400.817.271	135.765.622.130
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”)		189.722.439.728	165.058.274.672
03	Các khoản dự phòng		55.351.548	102.039.272
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		793.991.558	12.095.627.526
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.563.653.241)	(32.711.475.426)
06	Chi phí lãi vay		33.875.120.097	31.490.305.374
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		362.284.066.961	311.800.393.548
09	Tăng các khoản phải thu		(41.930.846.179)	(120.035.092.703)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		8.522.995.738	(30.223.784.004)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(15.586.228.217)	4.377.019.778
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		39.351.418.522	(22.967.350.805)
14	Tiền lãi vay đã trả		(37.436.452.909)	(26.386.801.483)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.311.816.870)	(31.394.263.649)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		61.510.012.464	16.263.454.350
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(11.473.000.000)	(29.180.914.321)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		340.930.149.510	72.252.660.711
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(30.247.274.137)	(688.226.664.947)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		87.649.100.000	27.265.454.545
23	Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(240.000.000.000)	(365.000.000.000)
24	Thu hồi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		316.300.000.000	87.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi và cho vay		21.179.936.026	13.279.445.366
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		154.881.761.889	(925.681.765.036)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành		(11.324.870.900)	-
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		269.280.712.699	1.357.223.063.355
34	Chi trả nợ gốc vay		(666.207.087.416)	(514.598.737.818)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(39.322.655.700)	(29.601.548.407)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(447.573.901.317)	813.022.777.130
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		48.238.010.082	(40.406.327.195)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.701.957.563	66.452.162.892
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.317.161	4.656.121.866
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		78.946.284.806	30.701.957.563



LÊ HẢI ANH
Người lập biểu



HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng



MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam (“Việt Nam”) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302704796 đăng ký lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải – kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải biển, dịch vụ thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan khác.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 347 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 345 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và nhập trước xuất trước cho công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo đó, và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao/hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

2.11 Nợ phải trả (tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực tế. Phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả. Sau ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực tế.

2.15 Vốn cổ phần

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty phân chia lợi nhuận thuần như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(c) Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

2.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính phản ánh những khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, chủ yếu là chi phí hoa hồng.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí bằng tiền khác.

2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	2017	2016
Tiền mặt	336.699.913	977.048.148
Tiền gửi ngân hàng	14.009.584.893	26.424.909.415
Các khoản tương đương tiền (*)	64.600.000.000	3.300.000.000
	78.946.284.806	30.701.957.563

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2017			2016		
	Giá gốc	Giá trị thuần	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị thuần	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xăng dầu Nam Việt Sài Gòn	4.000.000.000	3.349.600.000	(650.400.000)	4.000.000.000	3.349.600.000	(650.400.000)
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	2.700.000.000	-	(2.700.000.000)	2.700.000.000	-	(2.700.000.000)
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.120.000.000	690.401.334	(1.429.598.666)	2.120.000.000	724.942.468	(1.395.057.532)
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	745.000.000	567.533.346	(177.466.654)	745.000.000	588.343.760	(156.656.240)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	309.000.000	309.000.000	-	309.000.000	309.000.000	-
	9.874.000.000	4.916.534.680	(4.957.465.320)	9.874.000.000	4.971.886.228	(4.902.113.772)

Giá trị thuần của các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa có đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	2017	2016
Petrochina International (Singapore) Ltd.	7.073.040.000	-
Reliance Global Energy Services Singapore Ltd.	4.925.057.500	-
Petco Trading Labuan Ltd.	4.239.290.000	-
Pertamina International Shipping Ltd.	6.409.942.500	-
Standard Tankers Ltd.	3.627.200.000	-
Anglo Premier Shipping Ltd.	-	22.213.566.375
Sinopec (Hongkong) Petroleum Holding Ltd.	-	5.338.592.875
Reliance Industries Ltd.	-	4.766.600.781
Shell International Eastern Trading Ltd.	-	1.973.933.500
Khác	9.501.971.159	6.820.365.174
	35.776.501.159	41.113.058.705

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	2017	2016
Trả trước cho người bán để mua cổ phiếu (*)	-	40.000.000.000
Khác	2.711.743.981	1.466.955.829
	2.711.743.981	41.466.955.829

(*) Khoản trả trước là khoản tiền đặt cọc để mua 3.055.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu theo phương thức giao dịch thỏa thuận với tổng giá trị hợp đồng là 59.987.980.000 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, các bên thống nhất kết thúc hợp đồng trước thời hạn. Theo đó, khoản tiền đặt cọc này đã được hoàn trả cho Công ty cùng với tiền lãi theo thỏa thuận.

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	2017	2016
Số dư đầu năm	150.000.000.000	-
Tăng trong năm	110.000.000.000	150.000.000.000
Giảm trong năm	(150.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	110.000.000.000	150.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản phải thu từ một hợp đồng hợp tác với số tiền là 110 tỷ đồng, hưởng lãi suất 9%/năm và có thời hạn thanh toán trước ngày 18 tháng 11 năm 2018. Hợp đồng hợp tác được bảo đảm bởi 3,3 triệu cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu trị giá 121,77 tỷ đồng theo giá thị trường, đã được phong tỏa tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Châu.

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	2017	2016
Tạm ứng cho nhân viên	65.620.000	6.438.924.701
Phải thu liên quan đến dự án lọc hóa dầu	5.423.307.030	445.100.000
Lãi phải thu cho vay	295.530.833	4.893.000.000
Khác	3.261.372.932	1.553.476.854
	9.045.830.795	13.330.501.555

9 HÀNG TỒN KHO

	VND	
	2017	2016
Công cụ và dụng cụ	30.091.823.620	34.051.728.398
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	32.136.732.512	36.699.823.472
	62.228.556.132	70.751.551.870

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện phần nhiên liệu tồn trên các tàu của Công ty tại ngày của báo cáo.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	2017	2016
Phí bảo hiểm	3.549.266.390	2.209.992.609
Phí thuê văn phòng	341.206.985	324.242.346
	3.890.473.375	2.534.234.955

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	2017	2016
Chi phí sửa chữa định kỳ	39.392.397.753	50.673.445.275
Cải tạo văn phòng	592.286.915	1.184.573.915
	39.984.684.668	51.858.019.190

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

			VND
	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.267.424.662.362	606.159.796	2.268.030.822.158
Mua trong năm	-	309.600.000	309.600.000
Thanh lý, nhượng bán	(193.152.540.894)	-	(193.152.540.894)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.074.272.121.468	915.759.796	2.075.187.881.264
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	786.587.114.850	325.344.001	786.912.458.851
Khấu hao trong năm	189.508.000.912	214.438.816	189.722.439.728
Thanh lý, nhượng bán	(182.133.727.276)	-	(182.133.727.276)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	793.961.388.486	539.782.817	794.501.171.303
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.480.837.547.512	280.815.795	1.481.118.363.307
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.280.310.732.982	375.976.979	1.280.686.709.961

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình với tổng giá trị còn lại là 995 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.094 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 16(c)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 795 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 795 triệu đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, TSCĐ vô hình bao gồm các phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

		VND
	2017	2016
Sửa chữa lớn tài sản cố định	924.834.000	-
Khác	246.400.000	70.400.000
	1.171.234.000	70.400.000

13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NGƯỜI BÁN

		VND
	2017	2016
Standard Maritime Pte Ltd.	13.665.982.057	22.399.130.150
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hàn Việt	-	3.888.749.235
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	3.894.667.705	5.726.345.372
Khác	18.251.143.629	18.407.593.940
	35.811.793.391	50.421.818.697

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(a) Phải nộp

					VND
	Tại ngày 1.1.2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Khác	Tại ngày 31.12.2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.733.849.675	29.063.390.248	(24.311.816.870)	429.545	9.485.852.598
Thuế GTGT phải nộp	-	12.247.904.608	(12.247.904.608)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	409.278.430	4.028.825.984	(4.008.840.844)	-	429.263.570
Các loại thuế khác	-	9.540.380	(9.540.380)	-	-
	5.143.128.105	45.349.661.220	(40.578.102.702)	429.545	9.915.116.168

(b) Phải thu

Các khoản phải thu bao gồm thuế GTGT đầu vào phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty và sẽ được hoàn lại hoặc cần trừ trong các kỳ sau.

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	2017	2016
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 20)	3.301.102.400	2.335.451.100
Lãi phải trả	-	3.305.555.557
Phí hoa hồng	3.908.002.428	3.847.651.472
Khác	1.995.038.694	2.494.385.249
	9.204.143.522	11.983.043.378

16 CÁC KHOẢN VAY

(a) Theo kỳ hạn

	VND	VND
	2017	2016
Ngắn hạn		
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh 16(b))	-	200.000.000.000
Vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh 16(b))	21.602.202.809	261.974.499.928
Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	105.898.515.002	125.478.490.139
	127.500.717.811	587.452.990.067
Dài hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh 16(b))	627.453.252.998	783.151.493.780
Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	(105.898.515.002)	(125.478.490.139)
	521.554.737.996	657.673.003.641

(b) Biến động của các khoản vay

	Tại ngày 1.1.2017	Tăng	Trả nợ gốc vay	Chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	Tại ngày 31.12.2017
Trái phiếu chuyển đổi (*)	200.000.000.000	-	-	(200.000.000.000)	-	-
Vay ngân hàng ngắn hạn (**)	261.974.499.928	269.280.712.699	(509.645.979.320)	-	(7.030.498)	21.602.202.809
Vay ngân hàng dài hạn (**)	783.151.493.780	-	(156.561.108.096)	-	862.867.314	627.453.252.998
	1.245.125.993.708	269.280.712.699	(666.207.087.416)	(200.000.000.000)	855.836.816	649.055.455.807

(*) Chi tiết trái phiếu chuyển đổi như sau:

Trái phiếu có thời hạn 12 tháng chịu lãi suất cố định 7%/năm và được thanh toán lãi theo định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày phát hành. Trái phiếu có thể được chuyển đổi sang cổ phiếu vào 2 đợt 6 tháng và 12 tháng kể từ ngày phát hành với tỷ lệ chuyển đổi là 50% mỗi đợt. Giá chuyển đổi 10.000 đồng/cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi là 1 trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông.

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2017, 50% trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vào ngày 6 tháng 7 năm 2017, 50% trái phiếu còn lại đã được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

16 CÁCH KHOẢN VAY

(**) Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Số dư vay		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	Theo tiền tệ gốc	Quy đổi sang VND			
Ngắn hạn					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	US\$242,883	5.523.396.163	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2017 đến ngày 28 tháng 2 năm 2018	2%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	US\$707,040	16.078.806.646	Từ ngày 18 tháng 11 năm 2017 đến ngày 5 tháng 3 năm 2018	2%	Tín chấp
Dài hạn					
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	US\$5,364,500	121.994.094.500	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2014 đến ngày 18 tháng 7 năm 2021	Thả nổi	Tàu (Thuyết minh 11(a))
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	US\$4,368,000	99.332.688.000	Từ ngày 16 tháng 9 năm 2015 đến ngày 16 tháng 12 năm 2021	Thả nổi	Tàu (Thuyết minh 11(a))
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	US\$10,946,630	248.937.312.830	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2016 đến ngày 11 tháng 7 năm 2023	Thả nổi	Tàu (Thuyết minh 11(a))
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	US\$6,912,148	157.189.157.668	Từ ngày 12 tháng 9 năm 2016 đến ngày 12 tháng 9 năm 2023	Thả nổi	Tàu (Thuyết minh 11(a))
		627.453.252.998			

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

		VND
	2017	2016
Số dư đầu năm	13.116.484.498	9.472.739.468
Sử dụng trong năm	(3.712.000.000)	(3.945.867.000)
Trích trong năm (Thuyết minh 19)	8.003.619.892	7.589.612.030
Số dư cuối năm	17.408.104.390	13.116.484.498

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2017 Cổ phiếu phổ thông	2016 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	52.677.982	32.677.982
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	52.677.982	32.677.982
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(3.337.778)	(2.389.675)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.340.204	30.288.307

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	2017 Cổ phiếu phổ thông	2016 Cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	32.677.982	326.779.820.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	32.677.982	326.779.820.000
Chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu phổ thông (Thuyết minh 16(b))	20.000.000	200.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	52.677.982	526.779.820.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

VND						Tổng cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	326.779.820.000	254.725.820.000	(28.421.330.700)	55.480.871.495	120.455.917.983	729.021.098.778
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	-	-	-	-	108.423.028.994	108.423.028.994
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	8.673.842.320	(8.673.842.320)	-
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	(7.589.612.030)	(7.589.612.030)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(30.288.307.000)	(30.288.307.000)
Cổ tức công bố (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(8.086.678.000)	(8.086.678.000)
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(884.914.971)	(884.914.971)
Khác	326.779.820.000	254.725.820.000	(28.421.330.700)	64.154.713.815	173.355.592.656	790.594.615.771
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000
Chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu phổ thông (Thuyết minh 16(b))	-	-	-	-	114.337.427.023	114.337.427.023
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	9.146.994.162	(9.146.994.162)	-
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	(8.003.619.892)	(8.003.619.892)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(40.288.307.000)	(40.288.307.000)
Cổ tức công bố (Thuyết minh 20) (*)	-	-	(11.324.870.900)	-	-	(11.324.870.900)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(7.761.000.000)	(7.761.000.000)
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	526.779.820.000	254.725.820.000	(39.746.201.600)	73.301.707.977	222.493.098.625	1.037.554.245.002
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017						

(*) Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 7 tháng 4 năm 2017.

20CỔ TỨC

VND		
	2017	2016
Số dư đầu năm	2.335.451.100	1.648.692.507
Cổ tức công bố (Thuyết minh 19)	40.288.307.000	30.288.307.000
Cổ tức đã chi trả	(39.322.655.700)	(29.601.548.407)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 15)	3.301.102.400	2.335.451.100

21CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 344.919 Đô la Mỹ (“USD”) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 950.060 USD).

22LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a)Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017	2016
Lợi nhuận sau thuế (VND)	114.337.427.023	108.423.028.994
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(8.003.619.892)	(7.589.612.030)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông (VND)	106.333.807.131	100.833.416.964
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	44.875.954	30.288.307
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.370	3.329

(b)Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2017	2016
Lợi nhuận sau thuế (VND)	114.337.427.023	108.423.028.994
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(8.003.619.892)	(7.589.612.030)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông (VND)	106.333.807.131	100.833.416.964
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	44.875.954	30.288.307
Số lượng cổ phiếu có khả năng chuyển đổi	-	20.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	2.370	2.005

23 DOANH THU THUẦN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	2017	2016
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và hàng hải	814.185.433.722	742.577.130.848

24 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	2017	2016
Giá vốn dịch vụ vận tải biển và hàng hải đã cung cấp	674.621.562.472	543.320.251.453

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	2017	2016
Lãi tiền gửi và cho vay	16.582.466.859	13.279.445.366
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.213.175.458	933.070.411
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	793.991.558	-
	20.589.633.875	14.212.515.777

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	2017	2016
Lãi tiền vay	33.875.120.097	31.490.305.374
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	945.026.333	1.049.777.438
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	55.351.548	102.039.272
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	12.095.627.526
	34.875.497.978	44.737.749.610

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	2017	2016
Chi phí hoa hồng	33.875.120.097	13.379.597.327

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	2017	2016
Chi phí nhân viên	22.761.240.686	21.579.533.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.680.763.779	11.308.736.566
Chi phí khấu hao	826.982.320	805.476.247
Khác	3.838.328.261	5.263.033.327
	38.107.315.046	38.956.779.392

29 LỢI NHUẬN KHÁC

	VND	
	2017	2016
Thu nhập khác		
Thu nhập do thanh lý tài sản	76.630.286.382	-
Khác	6.001.833.511	19.657.808.020
	82.632.119.893	19.657.808.020
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	(11.841.939.935)	(287.454.733)
	70.790.179.958	19.370.353.287

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng như sau:

	VND	
	2017	2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	143.400.817.271	135.765.622.130
Thuế tính ở thuế suất 20%	28.680.163.454	27.153.124.426
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	383.226.794	408.576.467
Khác	-	(219.107.757)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	29.063.390.248	27.342.593.136
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.063.390.248	27.342.593.136
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
	29.063.390.248	27.342.593.136

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	2017	2016
Chi phí nguyên vật liệu	215.604.692.521	154.666.516.925
Chi phí nhân viên	80.602.710.461	68.488.689.445
Chi phí khấu hao	189.722.439.728	165.058.274.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.520.761.335	202.139.906.476
Khác	3.838.328.261	5.303.240.654
	727.288.932.306	595.656.628.172

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải biển và hàng hải. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

33 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản chi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

		VND
	2017	2016
Lương và các quyền lợi gộp khác		
Hội đồng Quản trị	3.839.000.000	3.081.287.262
Ban Tổng Giám đốc	4.610.477.738	3.816.590.738
	8.449.477.738	6.897.878.000

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 23 tháng 3 năm 2018.



LÊ HẢI ANH
Người lập biểu



HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng



MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2018



Năng lượng luôn chuyển động
Energy on the move

VISION

With energy to everywhere

MISSION

A group of companies with
strong ground in energy field

CONTENTS

AULAC ORPORATION PROFILE

68	Message from Chairwoman
70	General information, Scope of Business
72	Shareholders' structure
74	Numbers and highlights of 2017
76	Introduction of The Board of Directors
77	Introduction of Board of Management
78	Introduction of Supervisory Board
79	Organizational chart

BUSINESS PERFORMANCE

82	Board of Management report
86	The Supervisory Board's report
88	Report on crew quality and training
92	The company's orientation in 2018

FINANCIAL STATEMENTS

96	General Information
98	Independent auditor's report
100	Balance sheet
102	Income statement
103	Cash flow statement
104	Notes to financial statements

CORPORATION'S PROFILE

Message from Chairwoman	68
General information, Scope of Business	70
Shareholders' structure	72
Numbers and highlights of 2017	74
Introduction of The Board of Directors	76
Introduction of Board of Management	77
Introduction of Supervisory Board	78
Organizational Chart	79





TOTAL REVENUE

814.18
VND BILION

Dear Shareholders, Partners, the Board of Directors, Board of Management and all staffs and crew members of Aulac Corporation ("Aulac").

First of all, on behalf of Board of Directors, I would like to express my warmest appreciation to all valuable contribution of our customers, partners, and efforts of all staff and crew members of Aulac Corporation to guide "the Great Aulac ship", overcame the challenges and difficulties last year. Although the tanker market was tough, which led to the losses, bankruptcies and reconstruction to continue operate of many companies operating in this industry, Aulac Corporation still maintained a stability growth and achieved the wonderful business records as profit after tax reached VND 114.3 billion, equivalent to 142.9% of target set by the shareholders annual meeting. This result demonstrated the continuous efforts of all employees and crew member of Aulac Corporation, and the governance of the Boards of Directors and the managers. Moreover, positive outcome could not be achieved without the united, trust and supports of all shareholders. Therefore, these proud and praiseworthy achievements were accomplished by all of us.

In order to maintain the brand name and prestige that the Company has built for many years, continue to enhance its position and develop the Company to a new level of modernization, internationalization as well as improvement of quality service for domestic and foreign customers to rely on and seeking long-term cooperation, in 2018, Aulac Corporation will continue to develop with the slogan **"one of the strongest companies in the field of energy"** in general and **"one of the leading private companies in Vietnam in the field of shipping"** in particular with five core values as the guiding principle in the management, administration and business of the Company, including: Determination, Professionalism, Safety, Accuracy and Effectiveness.

In 2018, all staffs, employees, crew members, the Board of Directors and the Board of Managements will continue our effort to maintain business results by implementing policies, critical core planning, including:

Continue to invest, rejuvenate and improve the fleet quality: to ensure the best service for domestic and international customers. In addition to conducting a thorough review and assessment of the status and effectiveness of each ship, the company also focused on the solution of replacing China built vessels to Korea built vessels.

Focus on the development and training of human resources: Focus on the recruitment, training, development of human resources and raising the quality of crew and staff members of the Company in the direction of professionalization as one of the five core values of the Company. In addition, the Company has invested in facilities for the Training Center to provide quality crewmembers for shipping companies.

Promote business development and investment to optimize financial efficiency with medium and long term investment strategies: In addition to ensuring the safe and sustainable development of the core business, the Company always looking for business opportunities and effective implementation of medium and long term investment projects with the goal of sustainable development, increase efficiency, profit business.

Our Board of Directors has the belief that with the professional, diligent and dedicated human resources and effective management and operation system, Aulac Corporation will continue to perform well our mission **"With energy to everywhere"**, in 2018 we will realize the development strategy, maintain the brand and enhance our position on the regional and international level.

Once again, we would like to welcome the support of our shareholders, domestic and foreign partners and the enthusiastic contribution of all staff and crew members of Aulac Corporation.

On behalf of the Board of Directors, I would like to sincerely thank and wish all shareholders, customers, partners and Aulac Corporation the prosperity and all the best.

Best regards.



NGO THU THUY
Chairwoman



■ GENERAL INFORMATION

Transaction Name	: CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC
English name	: AULAC CORPORATION
Business Registration Certificate	: No. 0302704796 dated 04 September 2002, initially issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City
Charter Capital	: VND 526,779,820,000
Headquarters	: 159 Truong Van Bang, Thanh My Loi Ward, 2 District, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Tel	: (84 - 28) 6258 9922
Fax	: (84 - 28) 6258 9933
Representative office	: No. 50 street Nguyen Trai, May To Ward, Hai Phong City, Viet Nam
Website	: www.aulac.com.vn

■ SCOPE OF BUSINESS

**Ocean and coastal
transport of fuels.**

**Domestic
waterways
transport of fuels.**

**Marine services -
Shipping business.**

CHARTER CAPITAL OF THE COMPANY



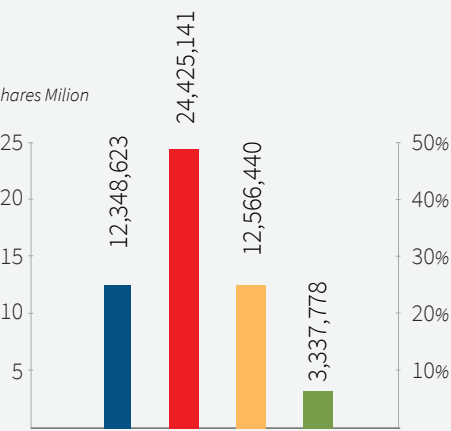
526,779,820

THOUSAND VND

SHAREHOLDERS' STRUCTURE

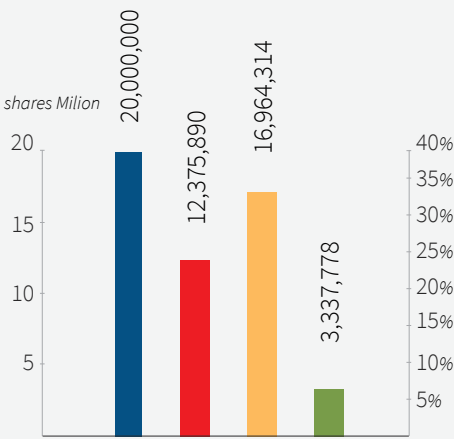
As at 31/12/2017, the Company's share capital is as follows:

» Charter capital of the Company	:	VND 526,779,820,000
» Paid in capital	:	VND 526,779,820,000
» Number of shares outstanding	:	49,340,204 shares
» Treasury shares	:	3,337,778 shares
» Par value per share	:	VND 10,000/share



SHAREHOLDERS' STRUCTURE (share)

- Domestic individuals
- Domestic companies
- Foreign investors and companies
- Treasury shares



MAJOR SHAREHOLDERS' STRUCTURE (share)

- Duc Hieu investment and development JSC
- Education Management Holdings Limited
- Other shareholders
- Treasury shares



HIGHLIGHT OF 2017

CHARTER CAPITAL
 **526.779.820**
 THOUSAND VND

TOTAL REVENUE
 **814.18**
 BILLION VND

PROFIT AFTER TAX
 **114.33**
 BILLION VND

15th INCORPORATION ANNIVERSARY OF AULAC CORPORATION

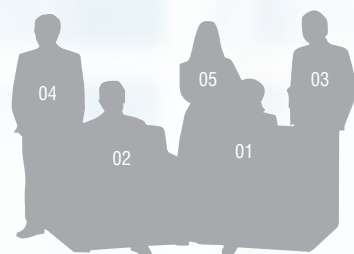
THE SIGNING CEREMONY JOINT VENTURE AGREEMENT CATLAI REFINERY



SHELL'S PARTNER IN SAFETY PROGRAMME, ORGANIZED BY AULAC CORPORATION



INTRODUCTION OF BOARD OF DIRECTORS



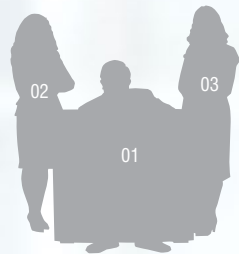
- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| 1 Ms. NGO THU THUY | : Chairwoman |
| 2 Mr. NGUYEN DUC HINH | : Deputy chairman |
| 3 Mr. MAI VAN TUNG | : Member |
| 4 Mr. DANG VINH SANG | : Member |
| 5 Ms. TRAN NGOC ANH DAO | : Member |

INTRODUCTION OF BOARD OF MANAGEMENT

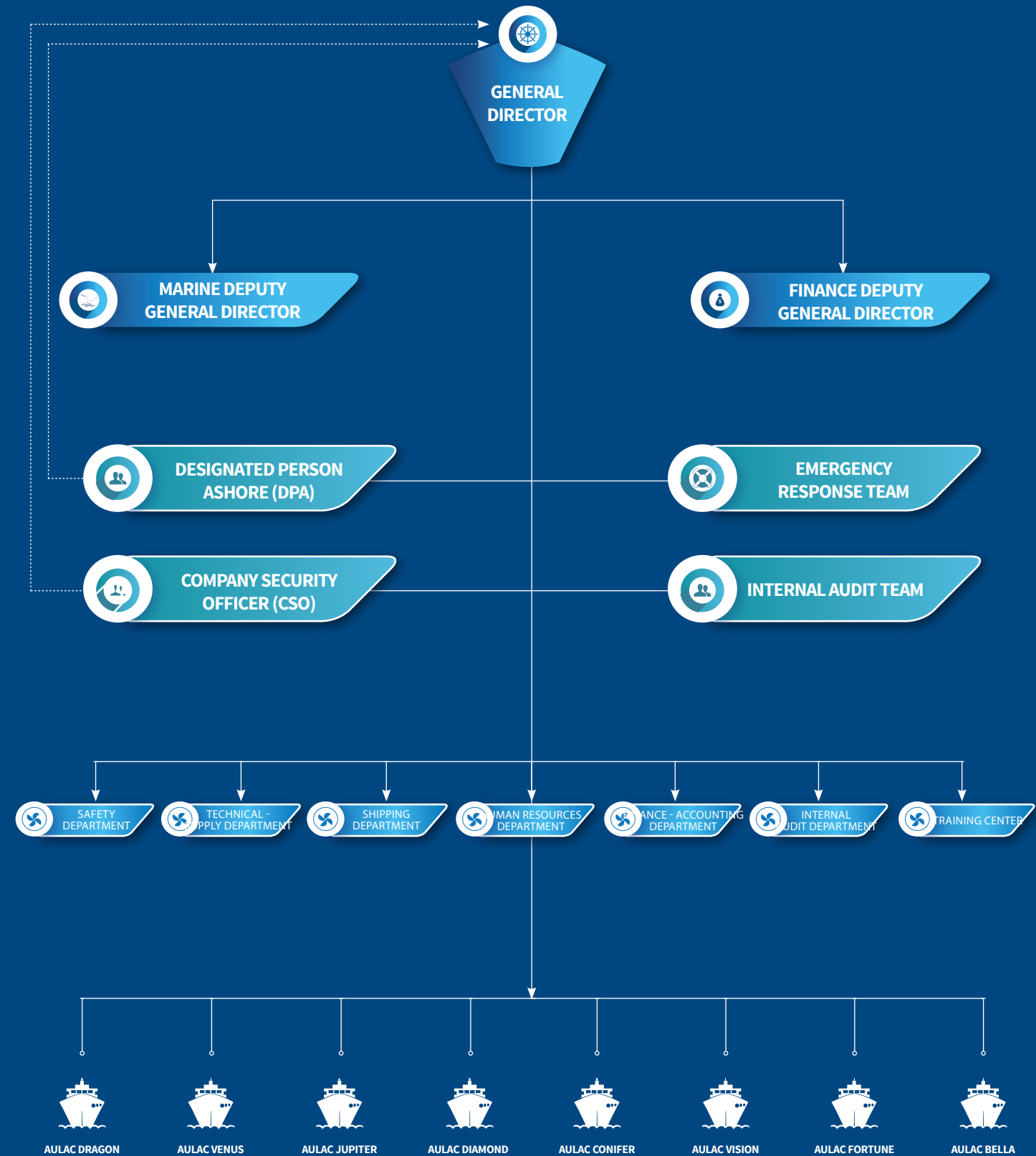


- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| 1 Mr. MAI VAN TUNG | : General Director |
| 2 Mr. HO VAN THIEN | : Deputy General Director |
| 3 Mr. LE HONG SON | : Deputy General Director |

INTRODUCTION OF BOARD OF SUPERVISORS



- 1 Mr. **HUYNH DUC TRUONG** : Head of The Board
- 2 Ms. **NGUYEN DINH THUY TIEN** : Member
- 3 Ms. **DANG THI HONG LOAN** : Member



2 BUSINESS PERFORMANCE IN 2017

Board of Management report	82
The Supervisory Board's report	86
Report on crew quality and training	88
The company's orientation in 2018	92



2017 BUSINESS OPERATION AND PERFORMANCE REVIEW

PROFIT BEFORE TAX IN 2017

 **143.4**
BILLION VND
INCREASED 6% COMPARED TO 2016

2017 is a difficult and challenging year for shipping industry in general and Aulac Corporation in particular, facing many challenges throughout the year, the Board of Management with all the staffs and crew members step in unity, determine to bring the company forward. The achievements of the Company during the year are as follows:

REVENUE GROWTH , PROFITABILITY

Continue the policy to rejuvenate the fleet, step by step restructure all China built vessels with high quality Japan and Korea built vessels, in 2017, the Company successfully transferred Aulac Angel vessel, which had effectively operated for 11 years, recorded an income before tax of VND 67.3 billion. At the same time, the effective operation of two new vessels Aulac Fortune and Aulac Bella since 2016 helped revenue to increase 10% in compare with 2016, reaching VND 814.2 billion in 2017. Profit before tax increased 6% in compare to 2016, reaching VND 143.4 billion, achieved 143% of target set by shareholders annual meeting. In a challenging year, these results represented the efforts, initiatives and responsibilities of the company in business orientation, detailed governance from the Board of Directors and great support from the shareholders of Aulac Corporation

With those achievements, Aulac Corporation has been regarded as one of the leading shipping companies in Vietnam with high quality of services, professional crews, a strategic partner, reliable and the first choice of domestic as well as international customers. These successes were proved by the long-term COA contracts which were signed in 2017.

DEVELOPMENT AND EXPANSION OF TRAINING CENTER

In 2017, Training center of the Company has held 34 training courses provided by third-parties, 48 internal certificate examination courses for 543 sailors, including 348 officers. The courses ensure that all participants are updated with recent knowledge and techniques which are required by international conventions, and best practice in operating and issues handling process in order to assure the safety of the whole fleet.



Mr. Mai Van Tung
General Director

HOWEVER, THERE ARE DIFFICULTIES & OF THE SHIPPING SECTOR NEW CHALLENGES IN 2018 ALSO

DIFFICULTIES IN BUSINESS AS BUNKER PRICES SOAR

Some trade agreements have caused serious difficulties for tanker companies in Vietnam. The differences in tax incentives make petroleum importers tend to join and use the services provided by foreign fleets which can carry more instead of using Vietnamese's fleets, including Aulac fleet. This issue has caused the decrease in domestic market share of Aulac Corporation, which also raised the operating and maintenance expense because of the increasing in operation in international waters.

Since 2017, the growth of oil has made an adverse impact to the business of corporation. This issue will continue in 2018 with the present situation of oil price. Moreover, the banks has planned to raise interest rates in the beginning of 2018, which will be a huge difficulty for the Company because the half of the fleet are still being financed by medium-or-long-term loans.



PERIODIC MAINTENANCE

In 2018, there will be 5 vessels going under dry-docking maintenance. Especially, third docking survey of Aulac Dragon with specific inspection will increase the allocation expenses and reduced operation time of the fleet.

Under close supervision, with development strategy from the Board of Directors, the effective management of the Board of Management together with the dedication, enthusiasm and responsibility of all employees, crew members, Aulac Corporation will overcome the difficulties and continue to succeed in 2018.





PERFORMING THE FUNCTIONS AND DUTIES OF THE SUPERVISORY BOARD UNDER THE ENTERPRISE LAW AND THE OPERATING AND ORGANIZING CHARTER OF AULAC CORPORATION, THE SUPERVISORY BOARD WOULD LIKE TO REPORT THE ACTIVITIES IN 2017, AS FOLLOWS:

ACTIVITIES AND SUPERVISING RESULTS IN 2017

In the last year, the Supervisory Board has implemented proper functioning powers and duties stipulated in the Enterprise Law, The operating and organizing charter of the Company. The Supervisory Board has not only set up plan, organizing working program and assigned specific tasks to each member but also inspected and controlled the issues that the Supervisory Board had deemed necessary, in particular:

01 SUPERVISED THE IMPLEMENTATION OF THE RESOLUTIONS OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2017.

02 SUPERVISED THE BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF MANAGEMENT THROUGH BOD'S MEETING MINUTES AND RESOLUTIONS, THE SUPERVISORY BOARD ALSO ATTEND SEVERAL MEETING OF THE BOD THROUGHOUT THE YEAR.

03 INSPECTED THE 2017 HALF-YEAR AUDITED FINANCIAL REPORT OF THE COMPANY.

04 INSPECTED THE 2017 AUDITED FINANCIAL REPORT OF THE COMPANY.

COMMENTS AND REMARKS OF THE SUPERVISORY BOARD

- » Aulac Corporation has fully and consistently complied with the Vietnamese Accounting Standards (VAS) and the current Vietnamese corporate accounting regime in terms of preparation and presentation of the Half-year and Annual Financial Statements 2017.
- » The Board of Directors has brought directions, administered positively and fiercely in order to exceed the plan set by the General Meeting of Shareholders.
- » The activities, the policies and the resolutions of the Board of Directors complied with the resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Company's charter and applicable Vietnamese laws and regulations.
- » The Board of Management and all staffs of the Company have made great efforts to exceed the business plan proposed by the General Meeting of Shareholders in 2017, which contributes to bring benefits to the Shareholders. The Supervisory Board highly appreciated these efforts.
- » The Board of Management has implemented the resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Company's charter in compliance with provisions of law.

ACTIVITY PLAN OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2018

In 2018, the Supervisory Board will maintain controlling activities regularly and periodically in accordance with the Company's charter and operating regulations of the Supervisory Board, as follows:



- » Periodically attend Board of Directors meetings.
- » Review and supervise other activities when requested by the Board of Directors or qualified Shareholders in accordance to the Company Charter.
- » Examine and review twice per year the business results and review the execution of the resolutions which are proposed
- in the General Meeting of Shareholders and the resolution of the Board of Directors
- » Review, verify the result of business reports, financial statements in 2018 and report to the Annual General Assembly of Shareholders.

On the behalf of the Supervisory Board

HUYNH DUC TRUONG
Head of Supervisory Board



**TOTAL NUMBER OF
STAFFS, CREW**
347
STAFFS
AT 31/12/2017



HUMAN RESOURCES ARE THE MOST VALUABLE ASSET OF AULAC CORPORATION. THE COMPANY ALWAYS FOCUSES ON BUILDING, TRAINING THE MANAGING LEVEL AND PROFESSIONAL CREW TO BRING AULAC TO SUSTAINABLE DEVELOPMENT.

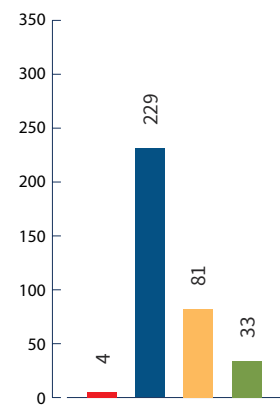
REPORT ON CREW QUALITY AND TRAINING

Increase training programs and improve the quality of staffs and crew members of Aulac Corporation.

In 2017, the Company continues to improve and complete the professionalism, ensuring service quality provided, raising the staff and crew member's of Aulac standard through the training courses held by the company as follows:

- » Trained and promoted for 19 Officers, crew members.
- » Conducted training with essential programs to many onboard crew members and officers, such as 11 courses of Electronic Chart Display Information System training for 22 crew members; translated courses in accordance with Shell guidance and released books for all crew members, introduction programs for 34 new recruits in compliance with Aulac's standards.
- » Organized 12 classes of Videotels training for 40 officers, reserve crew members and new recruits.
- » Organized 2 training courses on Accident Investigation and Risk Identification for 94 officers.
- » "Incident responding" drills on Aulac Fortune and Aulac Conifer.
- » Organized 3 training courses "Framo Pump System" for 52 reserve crew members and new recruits.
- » And many other training classes for crew members, office staffs.

CREW MEMBERS
289



EDUCATION QUALIFICATION:

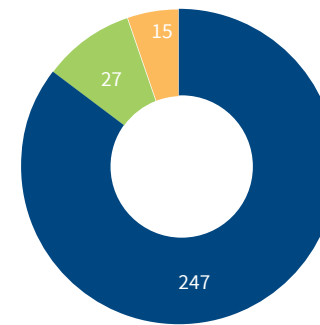
Post-graduate	: 4
University & College	: 229
Intermediate	: 81
Primary	: 33



TRAINING COURSES



33



CREW COMETENCY:

Exellence & Good	: 247
Average	: 27
Below average	: 15



CONTINUE TO REPLACE CHINA BUILT VESSELS BY VESSELS BUILT IN KOREA, JAPAN IN 2018.



CONTINUE TO DEVELOP AULAC'S TRAINING CENTER IN ORDER TO ENSURE THE QUALITY OF SAILORS ACCORDING TO AULAC'S STANDARD AND KEEP UP WITH INTERNATIONAL STANDARDS.



PROMOTE THE INTERNATIONAL INTEGRATION AND COOPERATION.



THE COMPANY'S ORIENTATION IN 2018

■ **Continue to complete and improve the quality of the Company's Safety** Management System in accordance with TMSA 3 standards, to meet the international standards and comply with international maritime conventions as well as updated decrees and regulations in order to ensure the safety and efficient operation of the company fleet.

■ **Continue to recruit crew members**, increase the training, and organize practices with simulators and drills so that crews are able to quickly absorb knowledge in order to meet the requirement of the Company.

■ **Replace China built vessels** by high quality vessels built in Korean / Japan at reasonable price; minimize operation risks and to meet Company mid and long term business strategy.

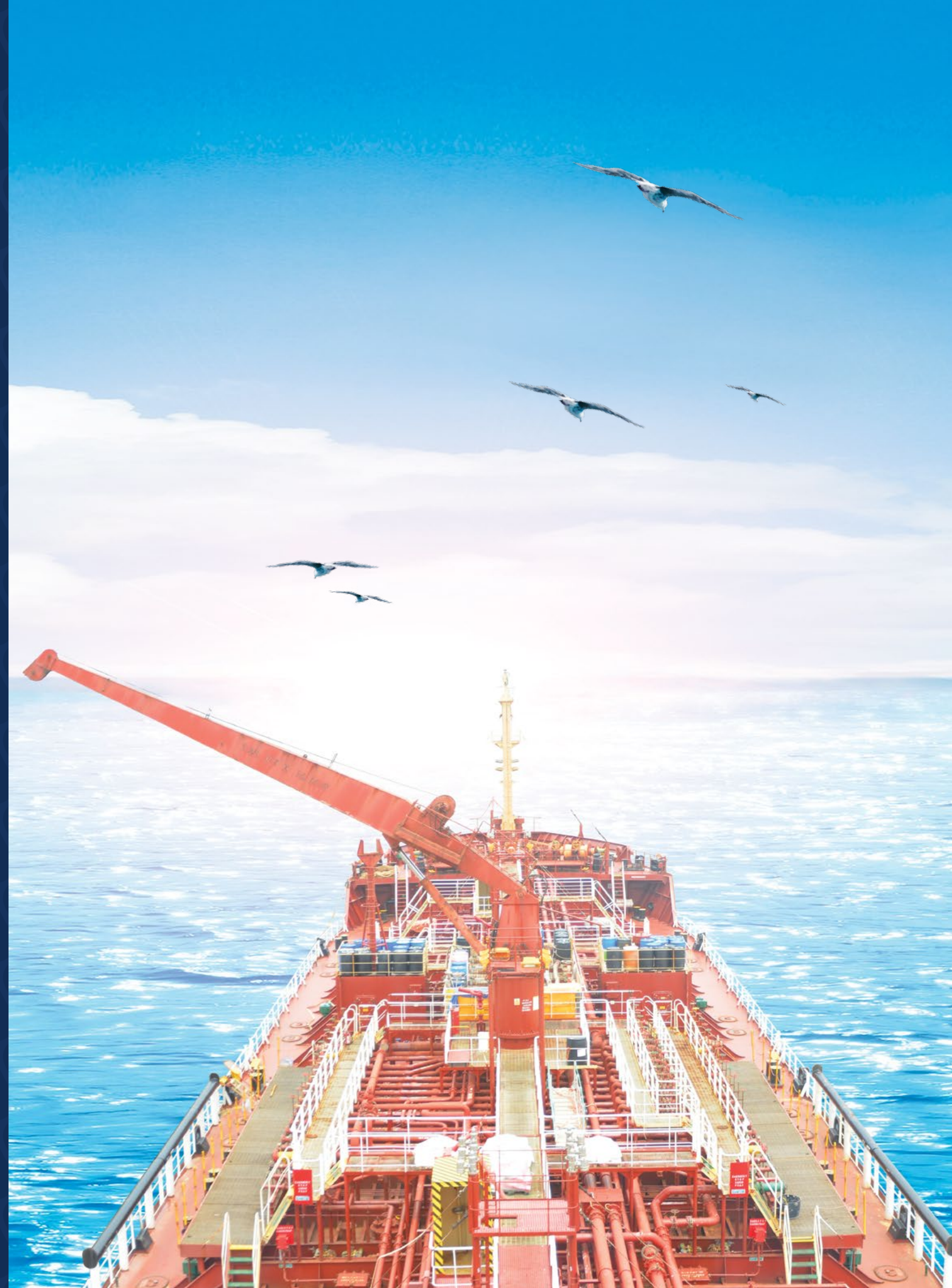
■ **Continue to look for new opportunities** to merge and acquisition to expand the business into energy industry.

■ **Collaborate with Oil Majors to held meeting, workshop relate to safety topic**, update the regulation of the International Convention, and promote Aulac Corporation to the domestic and international customers.

■ **Cooperate and take good care of loyal customers**, keep searching for potential customer to sign new long-term contracts.

3 FINANCIAL STATEMENTS

General Information	96
Independent auditor's report	98
Balance sheet	100
Income statement	102
Cash flow statement	103
Notes to financial statements	104



CORPORATE INFORMATION

Enterprise Registration certificate	No. 0302704796 dated 4 September 2002 was initially issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City and the 20th amendment dated 19 July 2017.	
Board of Directors	Ms Ngo Thu Thuy	Chairwoman
	Mr Nguyen Duc Hinh	ViceChairman
	Mr Dang Vinh Sang	Member
	Mr Mai Van Tung	Member
	Ms Tran Ngoc Anh Dao	Member
Board of Supervision	Mr Huynh Duc Truong	Chief Supervisor
	Ms Nguyen Dinh Thuy Tien	Member
	Ms Dang Thi Hong Loan	Member
	Mr Phan Vinh Kha	Member (Resigned on 5 May 2017)
Management	Mr Mai Van Tung	General Director
	Mr Le Hong Son	Deputy General Director
	Mr Ho Van Thien	Deputy General Director
Legal Representatives	Ms Ngo Thu Thuy	Chairwoman
	Mr Mai Van Tung	General Director
Registered Office	No. 159, Truong Van Bang Street, Thanh My Loi Ward District 2, Ho Chi Minh City, Vietnam	
Auditor	PwC (Vietnam) Limited	

STATEMENT OF THE RESPONSIBILITY OF MANAGEMENT OF THE COMPANY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

Management of Aulac Corporation (“the Company”) is responsible for preparing financial statements which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2017, and the results of its operations and its cash flows for year then ended. In preparing these financial statements, management is required to:

- » Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- » Make judgements and estimates that are reasonable and prudent; and
- » Prepare the financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and which enable financial statements to be prepared which comply with the basis of accounting set out in Note 2 to the financial statements. Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

APPROVAL OF THE FINANCIAL STATEMENTS

We hereby approve the accompanying financial statements as set out on pages 100 to 124 which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2017, and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of financial statements.

For and on behalf of Management



MAI VAN TUNG
Legal Representative
General Director

*Ho Chi Minh City, Vietnam
23 March 2018*

INDEPENDENT AUDITOR’S REPORT
TO THE SHAREHOLDERS OF AULAC CORPORATION



We have audited the accompanying financial statements of Aulac Corporation (“the Company”), which were prepared on 31 December 2017 and approved by the management on 23 March 2018. The financial statements comprise the balance sheet as at 31 December 2017, the income statement and the cash flow statement for the year then ended, and explanatory notes to the financial statements including significant accounting policies, as set out on pages 100 to 124.

Management’s Responsibility

Management of the Company is responsible for the preparation and the true and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on the preparation and presentation of financial statements and for such internal control which management determines necessary to enable the preparation and fair presentation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor’s Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit in order to obtain reasonable assurance as to whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor’s judgment, including an assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company’s preparation and true and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company’s internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

AUDITOR’S OPINION

In our opinion, the financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2017, its financial performance and cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on the preparation and presentation of financial statements.

OTHER MATTER

The independent auditor’s report is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English copies, the Vietnamese copy shall take precedence.

For and on behalf of PwC (Vietnam) Limited.



MAI VIET HUNG TRAN

Audit Practising License No:
0048-2018-006-1
Authorised signatory
Audit report reference number: HCM6739
Ho Chi Minh City, 23 March 2018

LAI HUNG PHUONG

Audit Practising License No:
2432-2018-006-1

As indicated in Note 2.1 to the financial statements, the accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than SR Vietnam, and furthermore their utilisation is not designed for those who are not informed about SR Vietnam’s accounting principles, procedures and practices.

BALANCE SHEET

As at 31 December

Form B 01 – DN

VND

Code	ASSETS	Note	2017	2016
100	CURRENT ASSETS		432,552,875,001	579,575,449,593
110	Cash and cash equivalents	3	78,946,284,806	30,701,957,563
111	Cash		14,346,284,806	27,401,957,563
112	Cash equivalents		64,600,000,000	3,300,000,000
120	Short-term investment		113,700,000,000	150,000,000,000
123	Investments held to maturity	4(a)	113,700,000,000	150,000,000,000
130	Short-term receivables		156,385,362,324	244,761,802,478
131	Short-term trade accounts receivable	5	35,776,501,159	41,113,058,705
132	Short-term prepayments to suppliers	6	2,711,743,981	41,466,955,829
135	Short-term lending	7	110,000,000,000	150,000,000,000
136	Other short-term receivables	8	9,045,830,795	13,330,501,555
137	Provision for doubtful debts – short term		(1,148,713,611)	(1,148,713,611)
140	Inventories	9	62,228,556,132	70,751,551,870
141	Inventories		62,228,556,132	70,751,551,870
150	Other current assets		21,292,671,739	83,360,137,682
151	Short-term prepaid expenses	10(a)	3,890,473,375	2,534,234,955
152	Value Added Tax to be reclaimed	14(b)	17,402,198,364	80,825,902,727
200	LONG-TERM ASSETS		1,331,360,163,309	1,542,628,668,725
210	Long-term receivable		4,601,000,000	4,610,000,000
216	Other long-term receivables		4,601,000,000	4,610,000,000
220	Fixed assets		1,280,686,709,961	1,481,118,363,307
221	Tangible fixed assets	10(a)	1,280,686,709,961	1,481,118,363,307
222	Historical cost		2,075,187,881,264	2,268,030,822,158
223	Accumulated depreciation		(794,501,171,303)	(786,912,458,851)
227	Intangible fixed assets	10(b)	-	-
228	Historical cost		65,500,000	65,500,000
229	Accumulated amortisation		(65,500,000)	(65,500,000)
240	Long-term asset in progress		1,171,234,000	70,400,000
242	Construction in progress	11	1,171,234,000	70,400,000
250	Long-term investments	4(b)	4,916,534,680	4,971,886,228
253	Investments in other entities		9,874,000,000	9,874,000,000
254	Provision for long-term investments		(4,957,465,320)	(4,902,113,772)
260	Other long-term asset		39,984,684,668	51,858,019,190
261	Long-term prepaid expenses	12(b)	39,984,684,668	51,858,019,190
270	TOTAL ASSETS		1,763,913,038,310	2,122,204,118,318

The notes on pages 104 to 124 are an integral part of these financial statements.

VND

Code	RESOURCES	Note	2017	2016
300	LIABILITIES		726,358,793,308	1,331,609,502,547
310	Short-term liabilities		204,804,055,312	673,936,498,906
311	Short-term trade accounts payable	13	35,811,793,391	50,421,818,697
313	Tax and other payables to the State	14(a)	9,915,116,168	5,143,128,105
314	Payable to employees		3,032,277,601	4,021,085,827
315	Short-term accrued expenses		1,931,902,429	1,797,948,334
319	Other short-term payables	15	9,204,143,522	11,983,043,378
320	Short-term borrowings	16(a)	127,500,717,811	587,452,990,067
322	Bonus and welfare fund	17	17,408,104,390	13,116,484,498
330	Long-term liability		521,554,737,996	657,673,003,641
338	Long-term borrowings	16(a)	521,554,737,996	657,673,003,641
400	OWNERS' EQUITY		1,037,554,245,002	790,594,615,771
410	Capital and reserves		1,037,554,245,002	790,594,615,771
411	Owners' capital	18, 19	526,779,820,000	326,779,820,000
411a	- Ordinary shares with voting rights		526,779,820,000	326,779,820,000
412	Share premium	19	254,725,820,000	254,725,820,000
415	Treasury shares	19	(39,746,201,600)	(28,421,330,700)
418	Investment and development fund	19	73,301,707,977	64,154,713,815
421	Undistributed earnings	19	222,493,098,625	173,355,592,656
421a	- Undistributed post-tax profits of previous years		127,646,285,656	83,536,018,012
421b	- Post-tax profit of the current year		94,846,812,969	89,819,574,644
440	TOTAL RESOURCES		1,763,913,038,310	2,122,204,118,318


LE HAI ANH
Preparer


HO VAN THIEN
Chief Accountant

MAI VĂN TÙNG
General Director

23 March 2018

The notes on pages 104 to 124 are an integral part of these financial statements.

INCOME STATEMENT

Year ended 31 December

Form B 02 – DN

			VND	
Code	RESOURCES	Note	2017	2016
10	Net revenue from rendering of services	23	814,185,433,722	742,577,130,848
11	Cost of services rendered	24	(674,621,562,472)	(543,320,251,453)
20	Gross profit from rendering of services		139,563,871,250	199,256,879,395
21	Financial income	25	20,589,633,875	14,212,515,777
22	Financial expenses	26	(34,875,497,978)	(44,737,749,610)
23	- Including: Interest expense		(33,875,120,097)	(31,490,305,374)
25	Selling expenses	27	(14,560,054,788)	(13,379,597,327)
26	General and administration expenses	28	(38,107,315,046)	(38,956,779,392)
30	Net operating profit		72,610,637,313	116,395,268,843
31	Other income		82,632,119,893	19,657,808,020
32	Other expenses		(11,841,939,935)	(287,454,733)
40	Net other income	29	70,790,179,958	19,370,353,287
50	Net accounting profit before tax		143,400,817,271	135,765,622,130
51	Business income tax - current	30	(29,063,390,248)	(27,342,593,136)
52	Business income tax - deferred	30	-	-
60	Net profit after tax		114,337,427,023	108,423,028,994
70	Basic earnings per share	22(a)	2,370	3,329
71	Diluted earnings per share	22(b)	2,370	2,005



LE HAI ANH
Preparer



HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

23 March 2018

The notes on pages 104 to 124 are an integral part of these financial statements.

CASH FLOW STATEMENT (INDIRECT METHOD)

Year ended 31 December

Form B 03 – DN

			VND	
Code		Note	2017	2016
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	Net profit before tax		143,400,817,271	135,765,622,130
	Adjustments for:			
02	Depreciation and amortisation		189,722,439,728	165,058,274,672
03	Provisions		55,351,548	102,039,272
04	Unrealised foreign exchange losses		793,991,558	12,095,627,526
05	Profits from investing activities		(5,563,653,241)	(32,711,475,426)
06	Interest expense		33,875,120,097	31,490,305,374
08	Operating profit before changes in working capital		362,284,066,961	311,800,393,548
09	Increase in receivables		(41,930,846,179)	(120,035,092,703)
10	Decrease/(increase) in inventories		8,522,995,738	(30,223,784,004)
11	(Decrease)/increase in payables		(15,586,228,217)	4,377,019,778
12	Decrease/(increase) in prepaid expenses		39,351,418,522	(22,967,350,805)
14	Interest paid		(37,436,452,909)	(26,386,801,483)
15	Business income tax paid		(24,311,816,870)	(31,394,263,649)
16	Other receipts from operating activities		61,510,012,464	16,263,454,350
17	Other payments on operating activities		(11,473,000,000)	(29,180,914,321)
20	Net cash inflows from operating activities		340,930,149,510	72,252,660,711
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	Purchases of fixed assets and other long-term assets		(30,247,274,137)	(688,226,664,947)
22	Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		87,649,100,000	27,265,454,545
23	Loans granted and purchases of debt instruments of other entities		(240,000,000,000)	(365,000,000,000)
24	Collection of loans and proceeds from sales of debt instruments of other entities		316,300,000,000	87,000,000,000
27	Dividends and interest received		21,179,936,026	13,279,445,366
30	Net cash inflows/(outflows) from investing activities		154,881,761,889	(925,681,765,036)
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
32	Payments for share returns and repurchases		(11,324,870,900)	-
33	Proceeds from borrowings		269,280,712,699	1,357,223,063,355
34	Repayments of borrowings	16(b)	(666,207,087,416)	(514,598,737,818)
36	Dividends paid		(39,322,655,700)	(29,601,548,407)
40	Net cash (outflows)/inflows from financing activities		(447,573,901,317)	813,022,777,130
50	Net increase/(decrease) in cash and cash equivalents		48,238,010,082	(40,406,327,195)
60	Cash and cash equivalents at beginning of year	3	30,701,957,563	66,452,162,892
61	Effect of foreign exchange differences		6,317,161	4,656,121,866
70	Cash and cash equivalents at end of year	3	78,946,284,806	30,701,957,563



LE HAI ANH
Preparer



HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

23 March 2018

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

1 GENERAL INFORMATION

Aulac Corporation (“the Company”) was established in the Social Republic of Vietnam (“Vietnam”) pursuant to the Enterprise Registration Certificate No. 0302704796 dated 4 September 2002, which was initially issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. The latest amendment was issued on 19 July 2017.

The principal activities of the Company are domestic waterways, ocean and coastal transport of fuel, marine services – shipping business, shipping agents, marine transport agent services, custom procedures services and other related activities.

The normal business cycle of the Company is 12 months.

As at 31 December 2017, the Company had 347 employees (as at 31 December 2016: 345 employees).

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

2.1 Basis of preparation of financial statements

The financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of financial statements. The financial statements have been prepared under the historical cost convention.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam. The accounting principles and practices utilised in Vietnam may differ from those generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

2.2 Fiscal year

The Company’s fiscal year is from 1 January to 31 December.

2.3 Currency

The financial statements are measured and presented in Vietnamese Dong (“VND”).

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction dates. Foreign exchange differences arising from these transactions are recognised in the income statement.

Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at the balance sheet date are respectively translated at the buying and selling exchange rates at the balance sheet date of the bank where the Company regularly trades. Foreign currencies deposited in bank at the balance sheet date are translated at the buying exchange rate of the bank where the Company opens the foreign currency accounts. Foreign exchange differences arising from these translations are recognised in the income statement.

2.4 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in bank, cash in transit, demand deposits and other short-term investments with an original maturity of three months or less.

2.5 Trade receivables

Trade receivables are carried at the original invoice amount less an estimate made for doubtful receivables based on a review by management of all outstanding amounts at the year end. Bad debts which are made provisions are written off when identified.

2.6 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined by weighted average and first-in first-out method for tools and supplies and work in progress respectively, and includes all costs of purchase and other costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Net realisable value is the estimated selling price in the normal course of business, less the estimated costs of completion and selling expenses. Provision is made, where necessary, for obsolete, slow-moving and defective inventory items.

2.7 Investments

(a) Investments held-to-maturity

Investments held to maturity are investments which the Company’s management has positive intention and ability to hold until maturity.

Investments held-to-maturity includes term deposits and other held-to-maturity investments. Those investments are accounted for at cost less provision.

Provision for diminution in value of investments held to maturity is made when there is evidence that part or whole of investment is uncollectible.

(b) Investments in equity of other entities

Investments in equity of other entities are investments in equity instruments of other entities without controlling rights or co-controlling rights, or without significant influence over investee. These investments are initially recorded at cost. Provision for diminution in value of these investments is made when the entities make losses, except when the loss was anticipated by the management in their business plan before the date of investment.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.8 Fixed assets

Tangible and intangible fixed assets

Fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation/amortisation. Historical cost includes expenditure that is directly attributable to the acquisition of the fixed assets.

Depreciation and amortisation

Fixed assets are depreciated/amortised using the straight-line over their estimated useful lives. The estimated useful lives are as follows:

Buildings and structures	25 years
Means of transportation	5 - 15 years
Machinery and equipment	3 - 5 years
Software	3 years

Disposals

Gains or losses on disposals are determined by comparing net disposal proceeds with the carrying amount and are recognised as income or expense in the income statement.

2.9 Operating leases

Leases where a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor are classified as operating leases. Payments made under operating leases are charged to the income statement on a straight-line method basis over the term of the lease.

2.10 Prepaid expenses

Prepaid expenses include short-term or long-term prepayments on the balance sheet. Prepaid expenses are recorded at historical cost and allocated to expenses using the straight line method over their estimated useful lives.

2.11 Payables

Classifications of payables are based on their nature as follows:

- Trade accounts payable are trade payables arising from the purchase of goods and services.
- Other payables include non-trade payables, and are not relating to the purchase of goods and services.

Payables are reclassified as short-term or long-term on the balance sheet based on remaining period from the balance sheet date to the maturity date.

Provisions are recognised when: the Company has a present legal or constructive obligation as a result of past events; it is probable that an outflow of resources will be required to settle the obligation and the amount has been reliably estimated. Provision is not recognised for future operating losses.

2.11 Payables (continued)

Provisions are measured at the expenditures expected to be required to settle the obligation. If the time value of money is material, provision will be measured at the present value using a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the obligation. The increase in the provision due to passage of time is recognised as an interest expense.

2.12 Borrowing costs

Borrowing costs that are directly attributable to the construction or production of any qualifying assets are capitalised during the period of time that is required to complete and prepare the asset for its intended use. Other borrowing costs are recognised in the income statement when incurred.

2.13 Accrued expenses

Accrued expenses include liabilities for goods and services received in the period but not yet paid due to pending invoice or insufficient records and documents. Accrued expenses are recorded as expenses in the reporting period.

2.14 Convertible bonds

Convertible bonds are bonds that may be converted into common shares of the same issuer under the conditions identified in the bond issuance plan.

At initial recognition, the Company calculates and determines separately value of the debt component and equity component of convertible bonds using the effective interest rate method. Debt component of convertible bonds is recorded as liabilities. Subsequently, the Company regularly records bond interest using the effective interest rate.

2.15 Share capital

Contributed capital of the shareholders is recorded according to actual amount contributed and is recorded according to par value of the share.

Share premium is the difference between the par value and the issue price of shares; and the difference between the repurchase price and re-issuing price of treasury shares.

Treasury shares are shares issued by the Company and bought-back by itself, but these are not cancelled and shall be re-issued in the period in accordance with the Law on securities.

Undistributed earnings record the Company’s operation results after business income tax at the reporting date.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.16 Appropriation of net profit

Net profit after income tax could be distributed to shareholders after approval at General Meeting, and after appropriation to other funds in accordance with the Company’s charter and Vietnamese regulations.

The Company’s funds are as below:

(a) Development and investment fund

Development and investment fund is appropriated from the Company's net profit after tax and subject to shareholders' approval at the Annual General Shareholders’ Meeting.

(b) Bonus and welfare fund

The bonus and welfare fund is appropriated from the Company's net profit after tax and subject to shareholders' approval at the Annual General Shareholders’ Meeting.

(c) Dividends

Dividend of the Company is recognised as a liability in the Company’s financial statements in the period in which the dividends are approved by the shareholders at the Annual General Shareholders’ Meeting.

2.17 Revenue recognition

(a) Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services is recognised in the income statement when the services are rendered, by reference to completion of the specific transaction assessed on the basis of the actual service provided as a proportion of the total services to be provided. Revenue from rendering of services is only recognised when all four (4) following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The percentage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

(b) Interest income

Interest income is recognised on an accrued basis.

2.18 Cost of services rendered

Cost of services rendered is recorded on the basis of matching with revenue and on prudent concept.

2.19 Financial income

Financial income is income incurred during the period for financial activities including income from deposits and gain from exchange rates.

2.20 Financial expenses

Financial expenses are expenses incurred in the period for financial activities including expenses of lending and borrowing, provision for diminution in value of investments in other entities and losses from exchange rates.

2.21 Selling expenses

Selling expenses represent expenses that are incurred in process of providing services, which mainly include sale commissions.

2.22 General and administration expenses

General and administration expenses represent expenses for administrative purposes which mainly include salary expenses of administrative staffs; expenses of office materials, tools and supplies, depreciation of fixed assets used for administration and other cash expenses.

2.23 Current and deferred income tax

Income taxes include all income taxes which are based on taxable profits including profits generated from production and trading activities in other countries with which the Socialist Republic of Vietnam has not signed any double taxation agreement. Income tax expense comprises current tax expense and deferred tax expense.

Current income tax is the amount of income taxes payable or recoverable in respect of the current year taxable profits and the current year tax rates. Current and deferred tax should be recognised as an income or an expense and included in the profit or loss of the period, except to the extent that the tax arises from a transaction or event which is recognised, in the same or a different period, directly in equity.

Deferred income tax is provided in full, using the liability method, on temporary differences arising between the tax bases of assets and liabilities and their carrying amounts in the financial statements. Deferred income tax is not accounted for if it arises from initial recognition of an asset or liability in a transaction other than a business combination that at the time of occurrence affects neither the accounting nor the taxable profit or loss. Deferred income tax is determined at the tax rates that are expected to apply to the financial year when the asset is realised or the liability is settled, based on tax rates that have been enacted or substantively enacted by the balance sheet date.

Deferred income tax assets are recognised to the extent that it is probable that future taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.24 Earnings per share

Basic earnings per share is calculated by dividing the net profit attributable to shareholders after deducting the bonus and welfare funds by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, excluding ordinary shares repurchased by the Company and held as treasury shares.

Diluted earnings per share is calculated by dividing the net profit attributable to shareholders, which already subtracted the bonus and welfare fund, by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year and the ordinary shares expected to be issued.

2.25 Related parties

Enterprises and individuals that directly, or indirectly through one or more intermediaries, control, or are controlled by, or are under common control with, the Company, including holding companies, subsidiaries and fellow subsidiaries are related parties of the Company. Associates and individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Company that gives them significant influence over the enterprise, key management personnel, including directors of the Company and close members of the family of these individuals and companies associated with these individuals also constitute related parties.

In considering the related party relationship, the Company considers the substance of the relationship not merely the legal form.

2.26 Segment reporting

A segment is a component which can be separated by the Company engaged in providing services (business segment), or providing services within a particular economic environment (geographical segment). Each segment is subject to risks and returns that are different from those of other segments.

Segment reporting is prepared and presented in accordance with accounting policies applied to the preparation and presentation of the Company's financial statements in order to help users of financial statements to understand and evaluate the situation the operations of the Company in a comprehensive way.

3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

		VND
	2017	2016
Cash on hand	336,699,913	977,048,148
Cash at bank	14,009,584,893	26,424,909,415
Cash equivalents (*)	64,600,000,000	3,300,000,000
	78,946,284,806	30,701,957,563

(*) Cash equivalents comprise term deposits at the commercial banks with an original maturity of three months or less.

4 INVESTMENTS

(a) Investments held to maturity

This includes term deposits at commercial banks with an original maturity of more than three months but less than one year.

(b) Investments in other entities

	2017			2016		
	Cost	Net book value	Provision	Cost	Net book value	Provision
Nam Viet Saigon Petrol JSC	4,000,000,000	3,349,600,000	(650,400,000)	4,000,000,000	3,349,600,000	(650,400,000)
Petec Logistic JSC	2,700,000,000	-	(2,700,000,000)	2,700,000,000	-	(2,700,000,000)
Petec Trading and Investment Corporation	2,120,000,000	690,401,334	(1,429,598,666)	2,120,000,000	724,942,468	(1,395,057,532)
Petec Coffee JSC	745,000,000	567,533,346	(177,466,654)	745,000,000	588,343,760	(156,656,240)
PetroVietnam Oil Nam Dinh JSC	309,000,000	309,000,000	-	309,000,000	309,000,000	-
	9,874,000,000	4,916,534,680	(4,957,465,320)	9,874,000,000	4,971,886,228	(4,902,113,772)

Net book value of these investments are determined by the original cost less the estimated provision.

Fair value of these investments have not been identified due to the shortage of the appropriate fair value information.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

5 SHORT-TERM TRADE ACCOUNTS RECEIVABLE

		VND
	2017	2016
Petrochina International (Singapore) Ltd.	7,073,040,000	-
Reliance Global Energy Services Singapore Ltd.	4,925,057,500	-
Petco Trading Labuan Ltd.	4,239,290,000	-
PT Pertamina International Shipping Ltd.	6,409,942,500	-
Standard Tankers Ltd.	3,627,200,000	-
Anglo Premier Shipping Ltd.	-	22,213,566,375
Sinopec (Hongkong) Petroleum Holding Ltd.	-	5,338,592,875
Reliance Industries Ltd.	-	4,766,600,781
Shell International Eastern Trading Ltd.	-	1,973,933,500
Others	9,501,971,159	6,820,365,174
	35,776,501,159	41,113,058,705

6 SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

		VND
	2017	2016
Prepayment to a supplier for purchasing shares (*)	-	40,000,000,000
Others	2,711,743,981	1,466,955,829
	2,711,743,981	41,466,955,829

(*) The prepayment is to purchase 3,055,000 shares of Asia Commercial Joint Stock bank by off-floor transactions and the contract value amounts to VND59,987,980,000. At the reporting date, both parties agreed to terminate this contract. Accordingly, the deposit and its interest have been refunded to the Company.

7 SHORT-TERM LOAN RECEIVABLE

		VND
	2017	2016
Opening balance	150,000,000,000	-
Increase in the year	110,000,000,000	150,000,000,000
Decrease in the year	(150,000,000,000)	-
Closing balance	110,000,000,000	150,000,000,000

As at 31 December 2017, a short-term loan receivable presents a cooperation contract amounting to VND110 billion, which earns interest at the rate of 9% per annum and is repayable by 18 November 2018. The cooperation contract is secured by 3.3 million shares of Asia Commercial Bank which have been registered and held by Asia Commercial Bank Securities Corporation and is amounting to VND121,77 billion at market value.

8 OTHER SHORT-TERM RECEIVABLES

		VND
	2017	2016
Advance to employees	65,620,000	6,438,924,701
Receivables relate to refinery projects	5,423,307,030	445,100,000
Accrued interest income	295,530,833	4,893,000,000
Others	3,261,372,932	1,553,476,854
	9,045,830,795	13,330,501,555

9 INVENTORIES

		VND
	2017	2016
Tools and supplies	30,091,823,620	34,051,728,398
Work in progress (*)	32,136,732,512	36,699,823,472
	62,228,556,132	70,751,551,870

(*) The work in progress represents fuel in use on the Company's fleets as at the balance sheet date.

10 PREPAID EXPENSES**(a) Short-term**

		VND
	2017	2016
Insurance fees	3,549,266,390	2,209,992,609
Office rental	341,206,985	324,242,346
	3,890,473,375	2,534,234,955

(b) Long-term

		VND
	2017	2016
Maintenance costs	39,392,397,753	50,673,445,275
Office renovation	592,286,915	1,184,573,915
	39,984,684,668	51,858,019,190

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

11 FIXED ASSETS**(a) Tangible fixed assets**

			VND
	Means of transportation	Machinery and equipment	Total
Historical cost			
As at 1 January 2017	2,267,424,662,362	606,159,796	2,268,030,822,158
New purchases	-	309,600,000	309,600,000
Disposals	(193,152,540,894)	-	(193,152,540,894)
As at 31 December 2017	2,074,272,121,468	915,759,796	2,075,187,881,264
Accumulated depreciation			
As at 1 January 2017	786,587,114,850	325,344,001	786,912,458,851
Charge for the year	189,508,000,912	214,438,816	189,722,439,728
Disposals	(182,133,727,276)	-	(182,133,727,276)
As at 31 December 2017	793,961,388,486	539,782,817	794,501,171,303
Net book value			
As at 1 January 2017	1,480,837,547,512	280,815,795	1,481,118,363,307
As at 31 December 2017	1,280,310,732,982	375,976,979	1,280,686,709,961

As at 31 December 2017, tangible fixed assets with a carrying value of VND995 billion (31 December 2016: VND1,094 billion) were pledged with banks as collateral assets for the Company's borrowings (Note 16(c)).

As at 31 December 2017, the historical cost of tangible fixed assets which was fully depreciated but still in use was VND795 million (31 December 2016: VND795 million).

(b) Intangible fixed assets

As at 31 December 2017 and 31 December 2016, intangible fixed assets comprised computer software which was fully amortised but still in use.

12 CONSTRUCTION IN PROGRESS

		VND
	2017	2016
Overhauls of fixed assets	924,834,000	-
Others	246,400,000	70,400,000
	1,171,234,000	70,400,000

13 SHORT-TERM TRADE ACCOUNTS PAYABLE

		VND
	2017	2016
Standard Maritime Pte Ltd.	13,665,982,057	22,399,130,150
Han Viet Technical service and Trading Limited	-	3,888,749,235
Vosco Trading and Service Joint Stock Company	3,894,667,705	5,726,345,372
Others	18,251,143,629	18,407,593,940
	35,811,793,391	50,421,818,697

14 TAXES AND OTHER PAYABLES/RECEIVABLES TO/FROM THE STATE**(a) Payables**

					VND
	As at 1.1.2017	Payable	Payment	Others	As at 31.12.2017
Business income tax	4,733,849,675	29,063,390,248	(24,311,816,870)	429,545	9,485,852,598
Value Added Tax payable	-	12,247,904,608	(12,247,904,608)	-	-
Personal income tax	409,278,430	4,028,825,984	(4,008,840,844)	-	429,263,570
Others	-	9,540,380	(9,540,380)	-	-
	5,143,128,105	45,349,661,220	(40,578,102,702)	429,545	9,915,116,168

(b) Receivables

Receivables comprise Value Added Tax to be reclaimed from business activities of the Company.

15 OTHER SHORT-TERM PAYABLES

		VND
	2017	2016
Dividends payable (Note 20)	3,301,102,400	2,335,451,100
Accrued interest payable	-	3,305,555,557
Commission fees	3,908,002,428	3,847,651,472
Others	1,995,038,694	2,494,385,249
	9,204,143,522	11,983,043,378

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

16 BORROWINGS

(a) By term

	VND	
	2017	2016
Short-term		
Convertible bonds (Note 16(b))	-	200.000.000.000
Bank loans (Note 16(b))	21.602.202.809	261.974.499.928
Current portion of long-term bank loans	105.898.515.002	125.478.490.139
	127.500.717.811	587.452.990.067
Long-term		
Bank loans (Note 16(b))	627.453.252.998	783.151.493.780
Current portion of long-term bank loans	(105.898.515.002)	(125.478.490.139)
	521.554.737.996	657.673.003.641

(b) Movement of borrowings

	VND				
	At as 1.1.2017	Proceeds	Repayment	Converted bonds into ordinary shares	Valuation
Convertible bonds (*)	200,000,000,000	-	-	(200,000,000,000)	-
Short-term bank loans (**)	261,974,499,928	269,280,712,699	(509,645,979,320)	-	(7,030,498)
Long-term bank loans (**)	783,151,493,780	-	(156,561,108,096)	-	862,867,314
	1,245,125,993,708	269,280,712,699	(666,207,087,416)	(200,000,000,000)	855,836,816
					649,055,455,807

(*) Details of convertible bonds are as follows:

The bonds have the term of 12 months and bear interest at the fixed rate of 7% per annum which is paid on a quarterly basis from the issuance date. The bond can be converted into shares twice in 6 months and 12 months from the issuance date at the conversion rate of 50%. The conversion price is VND10,000 per share and the conversion ratio is 10 ordinary shares per bond.

On 6 January 2017, 50% bonds were converted into ordinary shares.

On 6 July 2017, the remaining 50% bonds were converted into ordinary shares.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

BORROWINGS (continued)								
Movement of borrowings (continued)								
(**)	Details of bank loans as at 31 December 2017 are as follows:							
		Amount						
		Original currency	Equivalent to VND					
Short-term	Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	US\$242,883	5,523,396,163	From 30 November 2017 to 28 February 2018	2%			Unsecured
	Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank	US\$707,040	16,078,806,646	From 18 November 2017 to 5 March 2018	2%			Unsecured
			21,602,202,809					
Long-term	Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	US\$5,364,500	121,994,094,500	From 18 July 2014 to 18 July 2021	Floating rate			Fleets (Note 11(a))
	Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	US\$4,368,000	99,332,688,000	From 16 September 2015 to 16 December 2021	Floating rate			Fleets (Note 11(a))
	Oriental Commercial Bank	US\$10,946,630	248,937,312,830	From 11 July 2016 to 11 July 2023	Floating rate			Fleets (Note 11(a))
	Oriental Commercial Bank	US\$6,912,148	157,189,157,668	From 12 September 2016 to 12 September 2023	Floating rate			Fleets (Note 11(a))
				627,453,252,998				

17 BONUS AND WELFARE FUND

		VND
	2017	2016
Opening balance	13,116,484,498	9,472,739,468
Used	(3,712,000,000)	(3,945,867,000)
Appropriation (Note 19)	8,003,619,892	7,589,612,030
Closing balance	17,408,104,390	13,116,484,498

18 OWNERS' CAPITAL

(a) Number of shares

	2017 Ordinary shares	2016 Ordinary shares
Number of shares registered	52,677,982	32,677,982
Number of shares issued	52,677,982	32,677,982
Number of shares repurchased	(3,337,778)	(2,389,675)
Number of existing shares in circulation	49,340,204	30,288,307

(b) Movement of share capital

	2017 Number of shares	2016 Ordinary shares
As at 1 January 2016	32,677,982	326,779,820,000
As at 31 December 2016	32,677,982	326,779,820,000
Converted bonds into ordinary shares (Note 16(b))	20,000,000	200,000,000,000
As at 31 December 2017	52,677,982	526,779,820,000

Par value per share: VND10,000.

The Company has no preference shares.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

19 MOVEMENTS IN OWNERS' EQUITY

	VND				
	Owners' capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development fund	Undistributed earnings
As at 1 January 2016	326,779,820,000	254,725,820,000	(28,421,330,700)	55,480,871,495	120,455,917,983
Net profit for the year	-	-	-	-	108,423,028,994
Appropriation to investment and development fund	-	-	-	8,673,842,320	(8,673,842,320)
Appropriation to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(7,589,612,030)
Dividend declared (Note 20)	-	-	-	-	(30,288,307,000)
Allowance for the Board of Directors and Board of Supervision	-	-	-	-	(8,086,678,000)
Others	-	-	-	-	(884,914,971)
As at 31 December 2016	326,779,820,000	254,725,820,000	(28,421,330,700)	64,154,713,815	173,355,592,656
Converted bonds into ordinary shares (Note 16(b))	200,000,000,000	-	-	-	-
Net profit for the year	-	-	-	-	114,337,427,023
Appropriation to investment and development fund	-	-	-	9,146,994,162	(9,146,994,162)
Appropriation to bonus and welfare fund (Note 17)	-	-	-	-	(8,003,619,892)
Dividend declared (Note 20) (*)	-	-	-	-	(40,288,307,000)
Repurchase of treasury shares	-	-	(11,324,870,900)	-	-
Allowance for the Board of Directors and Board of Supervision (*)	-	-	-	-	(7,761,000,000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	526,779,820,000	254,725,820,000	(39,746,201,600)	73,301,707,977	222,493,098,625

(*) According to the Resolution of the Annual General Shareholders' Meeting No. 01/2017/NQ-ĐHCHĐ dated 7 April 2017.

20 DIVIDENDS

	VND	
	2017	2016
Opening balance	2,335,451,100	1,648,692,507
Dividends declared (Note 19)	40,288,307,000	30,288,307,000
Dividends paid	(39,322,655,700)	(29,601,548,407)
Closing balance (Note 15)	3,301,102,400	2,335,451,100

21 OFF BALANCE SHEET ITEMS

Included in cash and cash equivalents is the balance held in foreign currency of US\$344,919 (as at 31 December 2016: US\$950,060).

22 EARNINGS PER SHARE

(a) Basic earnings per share

	2017	2016
Net profit after tax (VND)	114,337,427,023	108,423,028,994
Less amount allocated to bonus and welfare funds (VND)	(8,003,619,892)	(7,589,612,030)
Net profit attributable to shareholders (VND)	106,333,807,131	100,833,416,964
Weighted average number of ordinary shares after adjusted (shares)	44,875,954	30,288,307
Basic earnings per share (VND)	2,370	3,329

(b) Diluted earnings per share

	2017	2016
Net profit after tax (VND)	114,337,427,023	108,423,028,994
Less amount allocated to bonus and welfare funds (VND)	(8,003,619,892)	(7,589,612,030)
Net profit attributable to shareholders (VND)	106,333,807,131	100,833,416,964
Weighted average number of ordinary shares in issue (share)	44,875,954	30,288,307
Number of ordinary shares from convertible bonds (share)	-	20,000,000
Diluted earnings per share (VND)	2,370	2,005

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

23 NET REVENUE FROM RENDERING SERVICES

	VND	
	2017	2016
Revenue from rendering of shipping business and marine services	814,185,433,722	742,577,130,848

24 COST OF SERVICES RENDERED

	VND	
	2017	2016
Cost of shipping business and marine services rendered	674,621,562,472	543,320,251,453

25 FINANCIAL INCOME

	VND	
	2017	2016
Interest income	16,582,466,859	13,279,445,366
Realised foreign exchange gains	3,213,175,458	933,070,411
Net gain from foreign currency translation at year-end	793,991,558	-
	20,589,633,875	14,212,515,777

26 FINANCIAL EXPENSES

	VND	
	2017	2016
Interest expense	33,875,120,097	31,490,305,374
Realised foreign exchange losses	945,026,333	1,049,777,438
Provision for diminution in value of investments	55,351,548	102,039,272
Net loss from foreign currency translation at year-end	-	12,095,627,526
	34,875,497,978	44,737,749,610

27 SELLING EXPENSES

	VND	
	2017	2016
Commission expenses	33,875,120,097	13,379,597,327

28 GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	VND	
	2017	2016
Staff costs	22,761,240,686	21,579,533,252
External service expenses	10,680,763,779	11,308,736,566
Depreciation	826,982,320	805,476,247
Others	3,838,328,261	5,263,033,327
	38,107,315,046	38,956,779,392

29 NET OTHER INCOME

	VND	
	2017	2016
Other income		
Net gains from disposal of fixed assets	76,630,286,382	-
Others	6,001,833,511	19,657,808,020
	82,632,119,893	19,657,808,020
Other expenses		
Expenses from disposal of fixed assets	(11,841,939,935)	(287,454,733)
	70,790,179,958	19,370,353,287

30 BUSINESS INCOME TAX

The tax on the Company's profit before tax differs from the theoretical amount that would arise using the applicable tax rate as follows:

	VND	
	2017	2016
Net accounting profit before tax	143,400,817,271	135,765,622,130
Tax calculated at a rate of 20%	28,680,163,454	27,153,124,426
Effect of:		
Expenses not deductible for tax purposes	383,226,794	408,576,467
Others	-	(219,107,757)
Business income tax charge (*)	29,063,390,248	27,342,593,136
Business income tax – current	29,063,390,248	27,342,593,136
Business income tax – deferred	-	-
	29,063,390,248	27,342,593,136

(*) The business income tax charge for the year is based on estimated taxable income and is subject to review and possible adjustments by the tax authorities.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2017

Form 09 – DN

31 COST OF OPERATION BY FACTOR

	VND	
	2017	2016
Raw materials	215,604,692,521	154,666,516,925
Staff costs	80,602,710,461	68,488,689,445
Depreciation	189,722,439,728	165,058,274,672
External service expenses	237,520,761,335	202,139,906,476
Others	3,838,328,261	5,303,240,654
	727,288,932,306	595,656,628,172

32 SEGMENT REPORTING

The principal activities of the Company are shipping business and marine services. Business risks and gross margin of the Company are not impacted by the difference in services which the Company provides or difference segment where the Company operates. As result of this, management determines the Company only has one business segment and geographical segment. Accordingly, the segment reporting is not presented.

33 RELATED PARTY DISCLOSURES

Remuneration to members of the Board of Directors and Management is as follows:

	VND	
	2017	2016
Gross salaries and other benefits		
Board of Directors	3,839,000,000	3,081,287,262
Management	4,610,477,738	3,816,590,738
	8,449,477,738	6,897,878,000

The financial statements were approved by management on 23 March 2018.

LE HAI ANH
Preparer

HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

23 March 2018





CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

[📍]: 159 Trương Văn Bang, P. Thạnh Mỹ Lợi,
Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

[☎]: (84-28) 6258 9922

[☎]: (84-28) 6258 9933

[✉]: aulac-asc@aulac.com.vn

[🌐]: www.aulac.com.vn